



Triệu Phong

TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ ĐẦU TƯ



trieuphong.quangtri.gov.vn



Chịu trách nhiệm xuất bản: Ông Nguyễn Đức Tân, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị
Nguồn ảnh: Lê Hữu Nam, Tư liệu huyện Triệu Phong
Nguồn bản đồ: UBND huyện Triệu Phong
In 300 cuốn, khổ 17cm x 23cm, tại Công ty Cổ phần Thiết kế và In công nghiệp Bảo Minh
Giấy phép xuất bản số: /GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Trị
Cấp ngày tháng năm 2024, Nộp lưu chiếu tháng năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
THƯ CHÀO MỪNG	01
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH	02
TỔNG QUAN VỀ HUYỆN TRIỆU PHONG	03
- Giới thiệu chung	03
- Điều kiện tự nhiên	06
- Khả năng kết nối khu vực, liên vùng và quốc tế	13
- Nguồn nhân lực	15
- Tiềm năng thế mạnh	15
- Kết quả phát triển Kinh tế - Xã hội (2021-2023)	19
- Lĩnh vực kinh tế phát triển	20
CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT	25
- Cơ sở hạ tầng xã hội	26
- Hạ tầng kỹ thuật	35
THÔNG TIN VỀ ĐẦU TƯ	45
- Định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	45
- Thông tin về cụm công nghiệp	64
- Các chương trình, chiến lược phát triển vùng	68
- Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư đến 2030	70

UBND huyện Triệu Phong trân trọng kính chào du khách, doanh nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước đến thăm quan, du lịch và đầu tư tại huyện Triệu Phong !

Kính thưa toàn thể quý vị !

Huyện Triệu Phong nằm về phía Đông Nam tỉnh Quảng Trị, trên hành lang kinh tế Đông Tây, là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng đóng góp nhiều công lao to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Quê hương Triệu Phong tự hào là nơi sinh ra những người con ưu tú của đất nước như: Tổng Bí thư Lê Duẩn, Phó Thủ tướng Trần Hữu Dực, Phó Thủ tướng Trần Quỳnh, Ủy viên Bộ Chính trị - Bộ trưởng Quốc phòng Đoàn Khuê...



Với vị trí địa lý, giao thông thuận lợi, có bờ biển dài, địa hình đa dạng, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào là tiềm năng lợi thế trong phát triển kinh tế và thu hút đầu tư vào địa bàn. Nền kinh tế huyện có tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt trên 13%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được thực hiện tích cực, các mô hình sản xuất theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế và được nhân rộng, đã xây dựng được nhiều sản phẩm OCOP: Gạo sạch Triệu Phong, bún sạch Vạn Linh, nước mắm Gia Đăng..., đại diện “Gạo sạch Triệu Phong” là sản phẩm gạo đầu tiên của Quảng Trị đạt chứng nhận hữu cơ Phát triển du lịch được xem là lợi thế, nhất là du lịch văn hóa tâm linh như: Tổ đình Sắc Tứ Tịnh Quang, Khu đền miếu Chợ đình Bích La và du lịch sinh thái với một số cảnh quan thiên nhiên đẹp như: Bãi tắm Nhật Tân, cảng Cửa Việt, Hồ Ái Tử, Khu rừng bản ngập mặn Triệu Độ... và nhiều di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm du lịch, mua sắm,... của du khách.

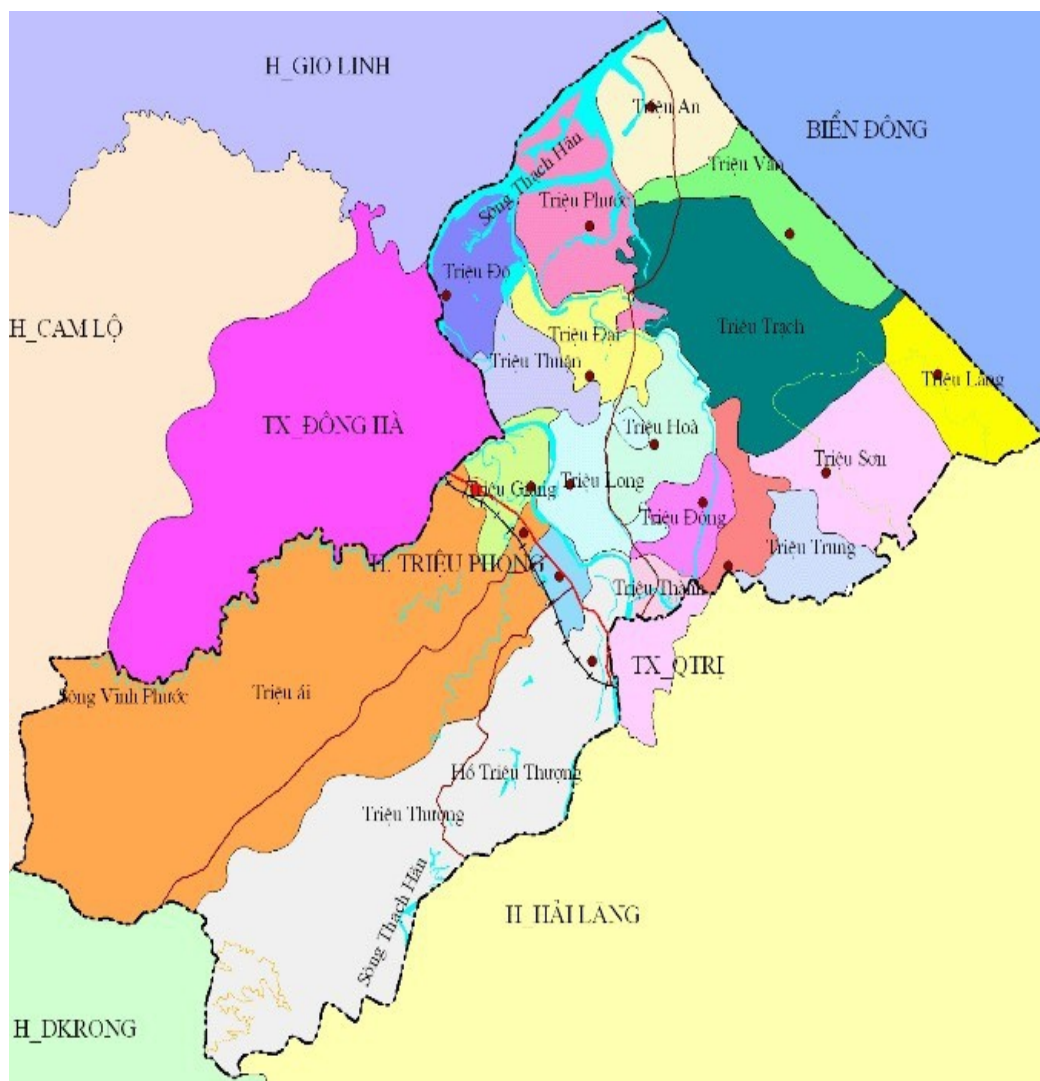
Điểm nhấn trong toàn cảnh phát triển huyện là một diện mạo khang trang hiện đại dần được thành hình, sự phát triển đồng bộ ở khu vực đô thị và nông thôn. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được triển khai quyết liệt, đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, làm cho bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày một nâng cao. Đến nay, tất cả các xã trên địa bàn huyện đều đạt chuẩn nông thôn mới, huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện nông thôn mới năm 2023.

Với khát vọng vươn cao, vươn xa cùng quê hương, đất nước trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, huyện Triệu Phong sẽ tiếp tục phấn đấu xây dựng huyện nhà phát triển nhanh, mạnh, bền vững, vững bước đi lên một tầm cao mới.

Trân trọng kính mời đến với quê hương Triệu Phong !

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phan Văn Linh

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN TRIỆU PHONG



TỔNG QUAN VỀ HUYỆN TRIỆU PHONG

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Giới thiệu về huyện Triệu Phong

Huyện Triệu Phong là huyện đồng bằng trọng điểm lúa của tỉnh Quảng Trị. Huyện nằm về phía Đông Nam của tỉnh, trải ngang từ nơi giáp giới với hai huyện Cam Lộ, Đakrông ra đến biển Đông; chiều dài trên đất liền từ Tây sang Đông hơn 30 km, chiều rộng ở vùng đồng bằng từ 10 đến 13km. Diện tích tự nhiên của huyện là 353,393km², với thị trấn Ái Tử là trung tâm kinh tế - văn hoá xã hội của huyện, cách thành phố Đông Hà 7 km về phía Tây Bắc và thị xã Quảng Trị 4 km về phía Đông Nam.

Huyện Triệu Phong có vị trí địa lý khá thuận lợi, nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, là điểm nối giữa thành phố Đông Hà trung tâm tỉnh lỵ với khu vực phía Nam của tỉnh, đồng thời là một trong những cửa ngõ ra biển chủ yếu của các tỉnh nước bạn Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan. Huyện có vị trí tiếp giáp với trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của tỉnh (thành phố Đông Hà) về phía Tây Bắc, với thị xã Quảng Trị về phía Đông Nam và có 06 xã vùng ven biển nằm trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị (gồm các xã: Triệu An, Triệu Phước, Triệu Vân, Triệu Trạch, Triệu Lăng và Triệu Sơn, có tổng diện tích 10.466,4 ha), cách thành phố Huế (trung tâm kinh tế lớn của khu vực Trung Trung Bộ) khoảng 60 km. Đây là lợi thế lớn để huyện Triệu Phong phát triển sản xuất hàng hoá, mở rộng giao thương với các tỉnh, miền trong cả nước và với quốc tế.



Quá trình đổi mới và hội nhập của đất nước đã và đang tạo nhiều thuận lợi cho sự phát triển kinh tế cả nước nói chung và cho mỗi địa phương nói riêng, trong đó có huyện Triệu Phong. Sự tăng trưởng khá và tương đối ổn định của nền kinh tế huyện trong những năm qua cũng như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã và đang đầu tư phát triển đã tạo đà cho sự phát triển nhanh hơn trong giai đoạn tới.

1.2. Lịch sử vùng đất, hình thành và phát triển

Vùng đất Triệu Phong chính thức thuộc về bản đồ nước Đại Việt từ năm 1306, lúc hai châu Ô - Rý được vua Chăm pa là Chế Mân làm sính lễ cưới Công chúa Huyền Trân - con gái vua Trần Nhân Tông. Từ năm đó về trước, sử cổ chỉ cho biết vùng đất này là một phần của Bộ Việt Thường - một trong 15 Bộ của nước Văn Lang đời các vua Hùng. Sau năm 207 TCN là một phần của huyện Tỷ Ảnh, quận Nhật Nam thời Bắc thuộc. Giữa thế kỷ IV lúc Vua Chăm pa là Phạm Văn đánh đuổi quân Hán ra khỏi đèo Ngang, trở thành một phần đất của Châu Ô, thuộc Vương Quốc Chăm pa.

Sau khi tiếp quản 2 châu Ô - Lý, nhà Trần cho dời dân từ phía Bắc vào sinh sống, lập nghiệp, mở đầu quá trình hình thành làng xã và thành lập đơn vị hành chính.

Năm 1307, nhà Trần đổi tên Châu Ô thành Châu Thuận, đặt lỵ sở tại vùng Vệ Nghĩa (xã Triệu Long ngày nay). Về hành chính, nhà Trần chia Châu Thuận thành 4 huyện. Đất Triệu Phong hiện giờ là huyện Hoa Lãng (nghĩa là đẹp và rộng thoáng). Năm 1469, vua Lê Thánh Tông định lại bản đồ đất nước, đổi tên Hoa Lãng thành Võ Xương thuộc phủ Triệu Phong (Phủ Triệu Phong lúc này gồm 6 huyện từ Cửa Việt vào Điện Bàn, Quảng

Nam). Năm 1604, Nguyễn Hoàng đổi thành huyện Đăng Xương và trong các triều đại nhà Nguyễn, địa giới vùng đất Đăng Xương luôn biến động, tình trạng đó tồn tại mãi đến đời Minh Mạng, Tự Đức và Khải Định mới dần dần điều chỉnh lại thành địa giới huyện như sau này.

Sau Cách mạng Tháng 8/1945 thắng lợi, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, bỏ đơn vị hành chính cấp tổng thay bằng xã, phủ thay bằng huyện. Tháng 10/1946, toàn huyện Triệu Phong có 14 xã, gồm: Phong Quang, Phong Đăng, Phong Dạ, Phong Thái, Phong La, Phong Xá, Phong Lai, Phong Hội, Phong Thanh, Phong Việt, Phong Hanh, Phong An, Phong Sơn và Phong Nguyên.

Năm 1950, thực hiện chủ trương của tỉnh, huyện Triệu Phong từ 14 xã đã sáp nhập thành 10 xã lớn, gồm: Triệu An, Triệu Bình, Triệu Cơ, Triệu Hoà, Triệu Nguyên, Triệu Quang, Triệu Sơn, Triệu Tân, Triệu Thành, Triệu Vinh.

Sau Hiệp định Giơnevơ, năm 1956, chính quyền ở miền Nam đã chia Triệu Phong thành 18 xã nhỏ thuộc 3 quận khác nhau là quận Triệu Phong, quận Đông Hà và quận Ba Lòng. Cắt xã Triệu Nguyên về quận Ba Lòng; cắt xã Triệu Hoà (tức xã Triệu Lương, Triệu Lễ và nay là phường Đông Lương, Đông Lễ thuộc thành phố Đông Hà) về quận Đông Hà; các xã còn lại thuộc quận Triệu Phong.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước, tháng 02/1976, tỉnh Bình Trị Thiên được thành lập từ ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế. Tiếp đó, ngày 11/3/1977, huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng hợp nhất thành huyện Triệu Hải. Thực hiện chủ trương của tỉnh, năm 1981, cắt hai xã Triệu Lương, Triệu Lễ chuyển qua thị xã Đông Hà.

Thực hiện Quyết định số 91/QĐ-HĐBT ngày 23/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Triệu Hải được tách thành hai huyện Triệu Phong và Hải Lăng. Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, sát nhập xã Triệu Đông vào xã Triệu Thành. Sau khi sắp xếp, huyện Triệu Phong có 17 xã và 01 thị trấn, gồm: Triệu Ái, Triệu Giang, Triệu Thượng, Triệu Thành, Triệu Long, Triệu Hoà, Triệu Thuận, Triệu Đại, Triệu Độ, Triệu Phước, Triệu Trạch, Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Tài, Triệu Trung, Triệu Sơn và thị trấn Ái Tử.

1.3. Vị trí địa lý

Huyện Triệu Phong nằm phía Đông Nam tỉnh Quảng Trị, là địa bàn có nhiều tuyến giao thông quốc gia quan trọng đi qua. Thị trấn Ái Tử là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện, cách thành phố Đông Hà 7 km về phía Tây Bắc, Thị xã Quảng Trị 4 km về phía Đông Nam.



- Huyện Triệu Phong có toạ độ địa lý từ 16,48 đến 16,54 độ vĩ Bắc; 107,12 đến 108,18 độ kinh Đông:

+ Phía Tây Bắc giáp với Thành phố Đông Hà và huyện Gio Linh

+ Phía Đông Nam giáp với huyện Hải Lăng và thị xã Quảng Trị

+ Phía Tây Nam giáp với huyện Đakrông và huyện Cam Lộ

+ Phía Đông Bắc giáp với Biển Đông, với chiều dài bờ biển 18 km.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Triệu Phong là 35.339 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 27.981,5 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 6.344,0 ha

+ Đất chưa sử dụng: 1.103,5 ha

2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

2.1. Địa hình, thổ nhưỡng

Địa hình huyện Triệu Phong nghiêng từ Tây sang Đông, được chia 3 vùng rõ rệt: vùng gò đồi, đồng bằng và vùng cát ven biển:

Vùng gò đồi chiếm 51,08% diện tích đất tự nhiên của huyện gồm các xã Triệu Thượng, Triệu Ái và một phần của xã Triệu Giang. Đây là nơi phát triển các loại cây công nghiệp, cây lấy gỗ kết hợp trồng cây hoa màu, cây lương thực và phát triển kinh tế trang trại.

Vùng đồng bằng rộng từ 10 đến 13 km với diện tích chiếm 38,39% diện tích đất tự nhiên gồm các xã: Triệu Thành, Triệu Long, Triệu Hòa, Triệu



Đại, Triệu Độ, Triệu Thuận, Triệu Phước, Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Trung, Triệu Tài, xã Triệu Giang và thị trấn Ái Tử.

Phía Đông huyện là một dải cát dài chạy theo bờ biển suốt từ Bắc đến Nam dài trên 15 km, rộng từ 4 đến 4,5 km với diện tích chiếm 10,53% đất tự nhiên của huyện gồm các xã Triệu Lăng, Triệu Vân, Triệu An. Đây là một phần của dải tiểu Trường Sa, có bờ biển dài 18 km. Ngư trường đánh bắt tập trung nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao như mực, ghẹ, tôm, các loài cá phục vụ xuất khẩu.

2.2. Khí hậu

Huyện Triệu Phong nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa được phân thành 2 mùa: Mùa mưa rét và mùa khô nóng.

Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 23 - 25°C, nhưng lại có biên độ dao động khá lớn (tháng cao nhất 35 - 39°C, tháng thấp nhất 12 - 13°C) Lượng mưa trung bình hàng năm là 2.500 - 2.700mm, cao hơn mức trung bình của cả nước và phân bố không đều, tập trung chủ yếu là từ tháng 9 đến tháng 12 nên thường dễ gây hạn hán và lũ lụt.

Chất đất vùng đồng bằng phì nhiêu, rất tiện lợi cho việc canh tác và đưa các loài cây trồng mới có năng suất chất lượng cao vào sản xuất; hứa hẹn một cuộc sống bình yên, no ấm; xóm làng xanh tươi, trù phú.

2.3. Thủy văn

Chế độ thủy văn của Huyện chịu ảnh hưởng trực tiếp của 2 con sông lớn sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Định. Hai con sông này được ví như là những "lá phổi khổng lồ" của vùng quê Triệu Phong, nơi được mệnh danh là vựa lúa của tỉnh Quảng Trị.

Sông Thạch Hãn (hay còn gọi là sông Ba Lòng, sông Quảng Trị) là con sông lớn nhất tỉnh Quảng Trị, là con sông gắn liền với lịch sử Quảng Trị. Sông có chiều dài 155 km, bắt nguồn



từ dãy núi Trường Sơn ở phía Tây tỉnh Quảng Trị và đổ ra Biển Đông qua Cửa Việt. Dòng thượng nguồn của sông Thạch Hãn trên địa bàn huyện Đakrông có tên là sông Đakrông và đoạn qua thung lũng Ba Lòng còn được gọi là sông Ba Lòng. Sông có lưu lượng dòng chảy trung bình năm khoảng 130 m³/giây. Sông có 37 phụ lưu, diện tích lưu vực 2.660 km². Ba phụ lưu chính là sông Vĩnh Phước, sông Rào Quán và sông Cam Lộ (phần hạ nguồn gọi là sông Hiếu).

Sông Thạch Hãn chảy qua phía Tây Nam thị xã Quảng Trị, đoạn rẽ nhánh của dòng Thạch Hãn là sông Vĩnh Định chảy qua phía Bắc thị xã, tại đây, trên sông có đập thủy nông An Tiêm. Đoạn qua thị xã Quảng Trị sông rộng 150-200m, là đường thủy nối liền Quảng Trị lên Ba Lòng, về Biển Đông (Cửa Việt).

Sông Vĩnh Định là con sông đào (năm 1825) nối liền giữa sông Thạch Hãn ở ngã ba Cổ Thành đến sông Lương Điền, thông vào phá Tam Giang nối liền với thành phố Huế với chiều dài hơn 7,5km. Sông Vĩnh Định chảy qua các huyện Hải Lăng và Triệu Phong. Theo dòng chảy sông Vĩnh Định có hai phần, tiếp vào đoạn phân lưu từ sông Thạch Hãn. Đoạn phân lưu này ở ranh giới xã Triệu Tài và Hải Quy, có tiếp nhận dòng sông Nhùng chảy đến. Nhánh phía Bắc chảy ở huyện Triệu Phong theo hướng Đông Bắc, tạo thành vòng cung và đổ trở lại vào sông Thạch Hãn, nơi hiện đã xây dựng đập Việt Yên để ngăn mặn. Nhánh phía Nam chảy ở huyện Hải Lăng, chảy uốn lượn về Đông Nam và đổ vào sông Ô Lâu. Bên cạnh phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp cho vùng đồng bằng Triệu Phong - Hải Lăng, trước đây sông Vĩnh Định còn là con đường thủy nội địa huyết mạch quan trọng dưới triều Nguyễn.



Sông Vĩnh Định - ảnh Internet



Sông Thạch Hãn đoạn qua xã Triệu Long

2.4. Tài nguyên

2.4.1. Tài nguyên nước

Triệu Phong có hệ thống sông, ngòi, ao, hồ, nguồn nước ngầm khá đa dạng:

- Sông ngòi: Hệ thống sông Thạch Hãn với tổng chiều dài 150km đóng vai trò hết sức quan trọng đối với hệ thống

thủy lợi cũng như giao thông vận tải thủy của địa phương, ngoài sông Thạch Hãn còn có sông Vĩnh Định, Vĩnh Phước,... Các con sông này ngoài việc cung cấp nước tưới, tiêu cho nông nghiệp, hàng năm lượng phù sa do con sông này bồi đắp đã góp phần bổ sung thêm độ phì nhiêu cho đất góp phần gia tăng năng suất và sản lượng của các giống cây trồng, là những tiềm năng phát triển kinh tế đáng kể của Triệu Phong.



Hồ Triệu Thượng II - ảnh Internet

- Nguồn nước ao hồ: Trên địa bàn có một số hồ, đập quan trọng có ý nghĩa trữ nước phục vụ cho phát triển sản xuất và đời sống dân sinh đồng thời góp phần cải tạo môi trường như: Đập dâng Nam Thạch Hãn; đập ngăn mặn Việt Yên; hồ Triệu Thượng I, Triệu Thượng II, hồ Ái Tử, đầm Duy Phiên, đầm Thái Lai,...

- Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm khá phong phú, chất lượng khá, riêng vùng ven biển nhiều nơi bị nhiễm mặn, một số vùng bị phân hoá. Với trữ lượng nước mặt và nước ngầm như trên, nguồn nước của Triệu Phong hoàn toàn có thể đáp ứng các điều kiện để sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn huyện.

2.4.2. Tài nguyên đất

Triệu Phong có 3 loại đất chính sau:

- Nhóm đất phù sa được bồi và không được bồi: 10.498 ha, chiếm 30% diện tích tự nhiên (DTTN), do hệ thống sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Định bồi đắp, chúng được phân bố ở 11 xã vùng đồng bằng bao gồm: Triệu Thành, Triệu Long, Triệu Hòa, Triệu Đại, Triệu Độ, Triệu Thuận, Triệu Phước, Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Trung, Triệu Tài. Đất có thành phần cơ giới thịt nặng, ít chua, hàm lượng đạm, mùn trên tầng mặt ở mức trung bình khá. Hướng sử dụng các loại đất này là trồng các cây lương thực, thực phẩm như lúa, ngô, khoai và các loại cây công nghiệp ngắn ngày.



Vùng đồng bằng trọng điểm lúa huyện Triệu Phong

- Nhóm đất sa phiến thạch: 17.689,32 ha, chiếm 50% DTTN, chủ yếu nằm ở vùng gò đồi, ở phía Tây quốc lộ 1, bao gồm các xã: Triệu Thượng, Triệu Ái, Triệu Giang. Thành phần cơ bản chủ yếu là vỏ phong hoá mác-ma, ba-giơ trên vỏ phong hoá trầm tích, sa phiến thạch. Khu vực này có thể phát triển trồng trọt hoặc mô hình trồng rừng kết hợp chăn nuôi.

- Nhóm đất cát và cồn cát ven biển: 6.904 ha, chiếm 20% DTTN, chủ yếu tập trung ở các xã ven biển như: Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Trạch, Triệu Sơn. Hướng phát triển của vùng này là trồng rừng và trồng một số loại cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày như: rau, khoai, lạc, đỗ, vừng, dâu, tầm,...

2.4.3. Tài nguyên biển và ven biển

Triệu Phong có chiều dài bờ biển 18 km, chạy dọc theo 3 xã Triệu An, Triệu Vân và Triệu Lăng. Vùng biển Quảng Trị nói chung và biển Triệu Phong nói riêng là nơi trú ngụ của nhiều loại hải sản quý như: Các loại tôm, cua, cá hồng, cá mú, cá thu, cá nục, cá ngừ, mực ống, mực nang,...

Tiềm năng phát triển ngành nuôi trồng thủy sản của địa phương là khá lớn, với diện tích đất, mặt nước có khả năng sử dụng nuôi trồng thủy, hải sản lên đến 5.640 ha, có thể nuôi được các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như: tôm sú, tôm càng xanh, tôm he chân trắng, cua xanh và một số loại cá là



Rừng thông xã Triệu Ái - ảnh Internet



Cây màu trên vùng cát Triệu Trạch - ảnh Internet



Bãi tắm Nhật Tân - ảnh Internet



Mô hình nuôi tôm tại xã Triệu An - ảnh Internet

nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến.

Ngoài tiềm năng biển nói trên, Huyện còn có lợi thế đặc biệt, đó là có cảng Cửa Việt, bãi tắm Triệu Lăng và đặc biệt là có trục đường ven biển nối với các tỉnh miền Trung mở ra những cơ hội phát triển rất lớn về du lịch, kinh tế biển và các ngành dịch vụ khác.

2.4.4. Tài nguyên khoáng sản

Trên địa bàn huyện Triệu Phong nguồn khoáng sản chủ yếu là khoáng sản thuộc nhóm phi kim loại như:

- Silicat: Trữ lượng 91 triệu tấn, phân bố chủ yếu tại 2 xã Triệu Vân và Triệu Trạch, có trữ lượng tài nguyên dự tính 90.921.849 tấn, có độ mịn hạt 0,1 - 1mm, thành phần chủ yếu SiO₂ chiếm trên 99%, làm nguyên liệu sản xuất thủy tinh dân dụng và kỹ thuật.

- Cát, cuội, sỏi, đá khí: Mỏ (cát, cuội, sỏi) phân bố dọc theo khu vực sông Thạch Hãn khu vực các xã Triệu Long, Triệu Giang, Triệu Thuận. Ngoài ra còn có một số điểm Lập Thạch, Trà Liên Đông chưa được đánh giá. Mỏ đá Thượng Phước, mỏ khí CO₂ ở Triệu Đại cũng là một trong những tài nguyên rất có giá trị của Triệu Phong.

- Sét gạch ngói: Trữ lượng nhỏ, phân bố rải rác (các mỏ Nhan Biểu dự tính là 5,41 m³, Triệu Đại được đánh giá là có triển vọng).

Ngoài ra, theo nhận định của đoàn khảo sát địa chất thì điểm Titan (ziricon) Nam Cửa Việt tuy chưa được đánh giá nhưng trên cơ sở phân tích đặc điểm của vùng, các chuyên gia cho rằng là điểm Titan có triển vọng.

Theo đánh giá của các chuyên gia, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện có trữ lượng không lớn, song đó cũng là cơ sở quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nhu cầu xây dựng tại huyện và cả tỉnh Quảng Trị.

2.4.5. Tài nguyên rừng

Diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 15.949,1 ha (NGTK 2023), chiếm 45,13% diện tích đất tự nhiên, trong đó:

Rừng sản xuất 12.031,5 ha (34,05%), tập trung chủ yếu ở các xã Triệu Ái, Triệu Thượng, đây là nơi cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ trên địa bàn huyện, tỉnh.

Rừng phòng hộ 3.917,6 ha (11,09%) chủ yếu là rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch



Cảng cá Cửa Việt

Hải và rừng phòng hộ ven biển, đây là tài nguyên rừng vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, chống cát bay, cát lấp.

Triệu Phong là huyện có diện tích đất lâm nghiệp lớn thứ 7 của tỉnh Quảng Trị. Diện tích rừng trồng chiếm tỷ lệ lớn. Rừng trồng đang được phát triển mạnh ở các xã: Triệu Ai, Triệu Thượng, Triệu Sơn, Triệu An, Triệu Trạch, Triệu Vân, Triệu Lăng với các loại cây chủ yếu là thông, bạch đàn, keo lai. Đây là vùng nguyên liệu lớn cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến gỗ, nhựa thông,... phát triển trong thời gian tới.

Hiện nay, rừng tự nhiên đang được huyện đưa vào khoanh nuôi, bảo vệ phục hồi một cách tích cực. Ngoài ra, cả tỉnh cũng tích cực tăng diện tích trồng rừng mới tập trung (từ năm 2017 đến năm 2020 huyện Triệu Phong tăng thêm được 2.380,2 ha diện tích trồng rừng mới tập trung).

2.4.6. Tài nguyên nhân văn

Triệu Phong là vùng đất có tiềm năng du lịch nhân văn khá phong phú với nhiều di tích lịch sử, văn hóa như: Chùa Sắc Tứ, Dinh Trà Bát, Đình Bích La Đông, khu di tích nhà lưu niệm Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, Nhà tưởng niệm Cố Phó Thủ Tướng Trần Hữu Dục, Khu di tích chúa Nguyễn Hoàng,... và các lễ hội dân gian khác.

Hiện nay trên địa bàn huyện có 80 di tích (2 di tích quốc gia đặc biệt, 3 di tích quốc gia, 75 di tích cấp tỉnh; trong đó có: 65 di tích lịch sử, 01 di tích văn hoá nghệ thuật, 04 di tích khảo cổ, 01 di tích kiến trúc nghệ thuật, 1 di tích danh nhân cách mạng).



Đoàn kiểm tra công tác PCCC tại địa bàn xã Triệu Thượng



Chùa Sắc Tứ Tịnh Quang

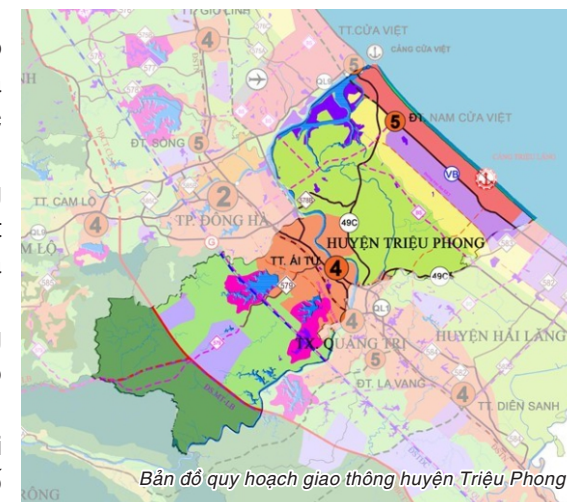


Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn

Lịch sử văn hiến, truyền thống cách mạng, bản chất tốt đẹp của con người Triệu Phong chính là nguồn tài nguyên nhân văn vô giá để huyện có điều kiện để phát triển mạnh về kinh tế - xã hội và văn hoá trong giai đoạn tới.

3. KHẢ NĂNG KẾT NỐI KHU VỰC, LIÊN VÙNG.

Theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, đi qua huyện Triệu Phong gồm có tuyến Quốc lộ 1A, cao tốc Cam Lộ - La Sơn và tuyến đường ven biển thuộc Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Tuyến Quốc lộ 1 dài 12km đi qua trung tâm huyện Triệu Phong, quy mô mặt đường 24m, tuyến cao tốc Cam Lộ - La Sơn đi qua phía Tây Nam huyện Triệu Phong, chiều dài tuyến khoảng 11,3km; tuyến đường ven biển có chiều dài 16,8km. Đây là những tuyến đường giao thông quan trọng kết nối huyện Triệu phong với thành phố



Bản đồ quy hoạch giao thông huyện Triệu Phong



Quốc lộ 1A đoạn qua trung tâm thị trấn Ai Tử



Đông Hà (trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh), huyện Gio Linh, Vĩnh Linh về phía Tây Bắc và Thị xã Quảng Trị, huyện Hải Lăng về phía Đông Nam, đồng thời kết nối với các khu vực, tỉnh thành khác trong cả nước.

Bên cạnh đó là tuyến đường sắt Thống Nhất Bắc - Nam, chiều dài trên phạm vi huyện khoảng 7,86km, đi ngang qua giữa huyện (xã Triệu Ái, Triệu Thượng), với điểm ga dừng thị xã Quảng Trị cũng là tuyến kết nối giao thương quan trọng của huyện với các tỉnh thành trong cả nước.

Tuyến QL 49C trên địa bàn huyện Triệu Phong có 02 hướng tuyến: hướng tuyến Đông Bắc - Tây Nam kết nối từ thị xã Quảng Trị đi Cảng Cửa Việt khoảng 18km, hướng tuyến từ Tây sang Đông kết nối từ thị xã Quảng Trị đi về các xã Triệu Thành, Triệu Tài, Triệu Trung (huyện Triệu Phong) và kết nối về các xã vùng biển huyện Hải Lăng, chiều dài tuyến trên địa bàn huyện khoảng 8km.

Các trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn trong huyện được kết nối đa dạng bởi các hệ thống tuyến giao thông đường tỉnh, đường huyện và giao thông liên xã. Đường tỉnh ĐT579, chiều dài tuyến qua huyện khoảng 6km, kết nối trung tâm huyện (thị trấn Ái Tử) với các xã Tây huyện Triệu Phong và huyện Cam Lộ, Quốc Lộ 9; Đường tỉnh ĐT578B dài khoảng 5,5km và hệ thống đường huyện với 21 tuyến với tổng chiều dài khoảng 146,3km. Đây là những tuyến giao thông quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Bên cạnh các tuyến giao thông đường bộ, với các tuyến sông Thạch Hãn, Vĩnh Định, Vĩnh Phước cũng là các tuyến giao thông đường thủy kết nối từ thị xã Quảng Trị, các xã đồng bằng trong huyện với thành phố Đông Hà và về Cảng Cửa Việt, phục vụ chủ yếu khai thác vào lưu thông vận tải vật liệu xây dựng và phục vụ nhu cầu đi lại của một bộ phận nhỏ của cư dân ven các con sông.

4. NGUỒN NHÂN LỰC (NGTK 2023)

- Dân số toàn huyện 90.255 người, trong đó:
 - + Nam: 44.797 người (49,63%);
 - + Nữ: 45.458 người (50,37%);
 - + Mật độ dân số: 255,4 người/km².
- + Dân số nông thôn là 85.449 người, chiếm khoảng 94,68% dân số toàn huyện, dân số đô thị là 4.806 người, chiếm khoảng 5,32% dân số toàn huyện.
- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên: 0,5%
- Dân số trong độ tuổi lao động của huyện Triệu Phong là 51.031 người, chiếm khoảng 56,54% trong tổng quy mô dân số toàn huyện, đây là nguồn lao động khá dồi dào cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 63,2%, trong đó: Có bằng cấp chứng chỉ 29,8%.

5. TIỀM NĂNG THẾ MẠNH

5.1. Tiềm năng về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Huyện Triệu Phong có 06 xã (Triệu Phước, Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu An, Triệu Vân và Triệu Lăng) nằm trong Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị được thành lập theo Quyết định số 42/2015/QĐ-TTg, ngày 16/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, định hướng đây là Khu Kinh tế được xây dựng và phát triển trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, địa bàn có tính đột phá của tỉnh Quảng Trị; cực phát triển quan trọng của vùng



Trung Bộ; trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất điện năng, du lịch, thương mại dịch vụ; cảng biển lớn của vùng Trung Bộ; phát triển đô thị và những ngành kinh tế khác gắn với Hành lang kinh tế Đông Tây; từng bước đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đô thị văn minh, kiến trúc tiên tiến. Đây là lợi thế để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

5.2. Tiềm năng phát triển du lịch

Du lịch đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, nâng cao mức sống cho người dân và được cụ thể bằng quan điểm Đảng và Nhà nước phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Với xu hướng toàn cầu hóa hội nhập quốc tế, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế phổ biến và đóng một vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, tăng mức thu nhập, tạo việc làm, phát triển kết cấu hạ tầng và nâng cao mức sống cho người dân. Với tài nguyên vô cùng lớn về đa dạng về cảnh quan thiên nhiên cùng với 18 km bờ biển, hệ thống đồ sộ các di tích văn hóa, lịch sử cách mạng to lớn... huyện Triệu Phong có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế du lịch:

- Khai thác và phát triển các sản phẩm du lịch tâm linh: Triệu Phong có nhiều tiềm năng, thế mạnh thể hiện ở bề dày văn hóa, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng như: Các địa điểm liên quan đến Dinh Chúa Nguyễn (1558-1626), Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Lễ hội Chợ đình Bích La; Tổ đình Sắc Tứ Tịnh Quang, Đền thờ Thái phó Nguyễn Ư Dĩ....

- Du lịch nông nghiệp: với các sản phẩm OCOP đặc trưng về nông nghiệp, ẩm thực miền quê nổi tiếng như: Nem lụi chợ Sãi xã Triệu Thành, bánh ít lá gai Sáu Nhàn xã



Triệu Đại, bún Vạn Linh, Bột ngũ cốc, Cốm gạo lứt, Bột sen... Lan Trần xã Triệu Sơn, chả cá Hồng Sơn, xúc xích Hoài Hoàng xã Triệu An các sản phẩm nông nghiệp sạch như: Gạo sạch Triệu Phong, Miến, Bột rau má, tía tô Đông Triều xã Triệu Tài, đồ thủ công, mỹ nghệ xưởng Mộc Việt xã Triệu Ái

- Du lịch sinh thái: Với tài nguyên cảnh quan thiên nhiên phong phú đa dạng về rừng, biển, sông suối, hồ... (Rừng Bần xã Triệu Độ, Bãi tắm Nhật Tân xã Triệu Lăng...), đây là tiền đề cho Triệu Phong đang hướng tới phát triển các khu, điểm du lịch sinh thái.

5.3. Tiềm năng về tài nguyên khoáng sản

Huyện Triệu Phong có nguồn khoáng sản chủ yếu thuộc nhóm phi kim loại như: Silicat, cát, cuội, sỏi, đá, khí, sét gạch ngói, Titan (ziricon),... là cơ sở quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nhu cầu xây dựng tại huyện và cả tỉnh Quảng Trị.

5.4. Tiềm năng về phát triển thương mại - dịch vụ

Với vị thế tiếp giáp với Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị, nằm trên các trục giao thông chính quốc gia, huyện Triệu Phong có tiềm năng phát triển các trung tâm bán buôn, bán lẻ, hệ thống siêu thị để phục vụ nhu cầu đời sống và phát triển xã hội ở các khu vực trung tâm đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp như: thị trấn Ái Tử, đô thị khu vực Nam Cửa Việt; phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu kết hợp kinh doanh các hàng hóa dịch vụ tổng hợp; Phát triển dịch vụ vận tải, mạng lưới kho bãi, thu hút đầu tư phát triển các dịch vụ khách sạn, nhà hàng, các khu dịch vụ du lịch, khu nghỉ dưỡng, các loại hình vui chơi giải trí tại Khu kinh tế Đông Nam, thị trấn Ái Tử, đô thị khu vực Nam Cửa Việt,...Tiềm năng phát triển dịch vụ tài chính, tín dụng, bưu chính, ngân hàng, bảo hiểm; các loại hình dịch vụ mới như: khoa học kỹ thuật, công nghệ tin



học, tư vấn, thông tin, pháp lý; phát triển về dịch vụ y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao theo hình thức xã hội hóa.

5.4. Tiềm năng phát triển về Nông - Lâm - Thủy sản

Với diện tích 27.981,5 ha đất nông nghiệp được phù sa hệ thống sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Định bồi đắp có độ màu mỡ cao phù hợp cho phát triển trồng các cây lương thực, thực phẩm như lúa, ngô, khoai và các loại cây công nghiệp ngắn ngày; đất gò đồi có thể phát triển trồng trọt hoặc mô hình trồng rừng kết hợp chăn nuôi; đất cát và cồn cát ven biển phát triển trồng rừng và trồng một số loại cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày như: rau, khoai, lạc, đỗ, vừng, dầu,...

Triệu Phong có chiều dài bờ biển 18 km, chạy dọc theo 3 xã Triệu An, Triệu Vân và Triệu Lăng có tiềm năng phát triển ngành nuôi trồng thủy sản. Ngoài tiềm năng biển nói trên, huyện còn có lợi thế so sánh đặc biệt, đó là có cảng Cửa Việt, bãi tắm Triệu Lăng và đặc biệt là có trục đường ven biển nối với các tỉnh miền Trung mở ra những cơ hội phát triển rất lớn về du lịch, kinh tế biển và các ngành dịch vụ khác.

Cảng cá Nam Cửa Việt: hiện đang được nâng cấp và mở rộng, sau khi hoàn thành, năng lực của cảng cá này sẽ được nâng lên đáng kể như quy mô tăng từ 1,3ha lên 6,4ha; sức chứa cùng lúc tăng từ 5-6 tàu công suất 250 CV lên 350 tàu cá công suất trên 400CV.

5.5. Thế mạnh về vị trí địa lý

Huyện Triệu Phong nằm trong vùng trọng điểm phát triển về Công nghiệp, nông nghiệp, TM-DV,... của tỉnh với các yếu tố mang tính động lực:

Vùng đồng bằng cao và trung du - từ hai bên Quốc lộ 1 đến đường bộ cao tốc: tập trung phát triển đô thị, phát triển đô thị, dân cư, công nghiệp, dịch vụ đa năng đan xen với không gian hồ nước, vườn cây, trang trại

Khu vực ven biển: Trung tâm công nghiệp khí và công nghiệp gắn với cảng các khu đô thị du lịch và dân cư lồng ghép trong cảnh quan sinh thái rừng cồn cát.

Dọc hành lang Đông - Tây: Phát triển công nghiệp, dịch vụ logistic, du lịch thương mại, du lịch sinh thái và phát triển đô thị,...

Hàng lang và trục kinh tế:

Hành lang kinh tế ven biển: phát triển kết nối với hành lang trung tâm và kết nối theo các đường Đông - Tây với vùng kinh tế và các đô thị trung tâm. Trong đó Nam Cửa Việt là đô thị đa ngành tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị.

Hành lang kinh tế trung tâm từ hai bên Quốc lộ 1 đến hai bên đường bộ cao tốc Bắc - Nam: Gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và vùng phát triển trọng điểm

(vùng đồng bằng cao và trung du). Phát triển các khu, cụm công nghiệp quan trọng trên tuyến; Các trung tâm thương mại - dịch vụ quy mô hiện đại, các khu nghỉ dưỡng, du lịch, dịch vụ,... đan xen trong các đô thị và các vùng sinh thái hồ, sinh thái rừng gần đô thị.. Các yếu tố trên sẽ tạo ra động lực phát triển cho toàn tỉnh, trong đó có huyện Triệu Phong.

6. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

6.1. Về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất các ngành đạt 7.285,367 tỷ đồng, tăng 13,2%. Trong đó:

+ Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp đạt 1.338,7 tỷ đồng, tăng 5,7%, trong đó: giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 981,8 tỷ đồng, tăng 15,9% (Trồng trọt đạt 621,5 tỷ đồng, tăng 14,4%; chăn nuôi đạt 290,8 tỷ đồng, tăng 23,8%); giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 139,9 tỷ đồng, giảm 4,5%; giá trị sản xuất ngư nghiệp đạt 217 tỷ đồng, giảm 20,4%.

+ Giá trị Công nghiệp - Xây dựng đạt 2.924,678 tỷ đồng, tăng 14,3%, trong đó: giá trị CN-TTCN đạt 1.171,146 tỷ đồng, tăng 13,1%; giá trị XD-CB đạt 1.753,532 tỷ đồng, tăng 15,1%.

+ Giá trị Thương mại - Dịch vụ đạt 3.021,989 tỷ đồng, tăng 15,8%;

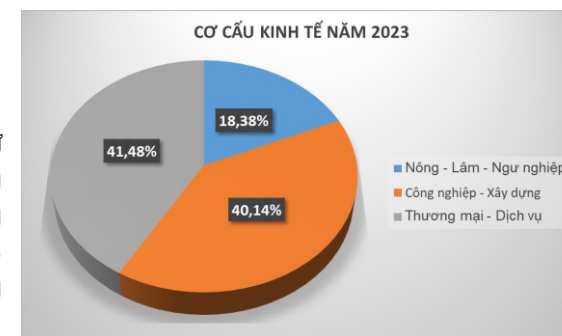
- Cơ cấu kinh tế cuối năm 2023: Nông - Lâm - Thủy sản: 18,38%; Công nghiệp - xây dựng: 40,14%; Dịch vụ: 41,48%;

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 68,44 triệu đồng/năm

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2.368 tỷ đồng

- Tổng thu NSNN đạt 718,565 tỷ đồng. Thu NSNN trên địa bàn đạt 60,790 tỷ đồng, trong đó: thu tiền sử dụng đất 18,5 tỷ đồng.

- Tổng mức vốn đăng ký vào địa bàn huyện trên 250 tỷ đồng/20 dự án đầu tư (năm 2021-2023).



6.2. Về văn hóa - xã hội

- Hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới (Năm 2023, tất cả các xã trên địa bàn

huyện đều đạt chuẩn nông thôn mới, có 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; huyện đã hoàn thiện hồ sơ và được Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh nhất trí đề nghị Trung ương công nhận huyện Triệu Phong đạt chuẩn huyện NTM).

- Có 35/42 Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia (Trong đó, có 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2)

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ước đạt 0,5%; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 17%; Tỷ suất sinh 9%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi theo cân nặng là 6,2%.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98,12%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 63,2%, đạt KH (KH: 63,2%); trong đó: Có bằng cấp chứng chỉ 29,8%.

- Tạo việc làm mới cho 3.250 người, đạt 171%; trong đó: xuất khẩu lao động 431 người, đạt 216%

- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 giảm 0,71%.

6.3. Môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%;

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt KH 100%; trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch ước đạt 64%;

(Số liệu tăng, giảm được so với năm 2022)

7. LĨNH VỰC KINH TẾ PHÁT TRIỂN

7.1. Về công nghiệp - TTCN

Về công nghiệp, công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng cao nhất lên tới 83,50%; Các phân ngành công nghiệp khai thác và công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt và nước chỉ chiếm tỉ trọng khoảng 16,50% (TK năm 2020). Công nghiệp chế biến đã tạo ra nhiều giá trị đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp đồng thời giải quyết một lượng lớn lao động của huyện.

Công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư trên địa bàn tiếp tục được chú trọng, UBND huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án về thu hút đầu tư vào địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 08/7/2021 của BCH Đảng bộ huyện khóa XX).

Trên địa bàn huyện có 02 Cụm công nghiệp được công nhận tại Quyết định số 1828/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 28/9/2010 về việc công nhận và đổi

tên các cụm công nghiệp trên địa bàn theo Quyết định 105/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. 02 Cụm công nghiệp này đã đi vào hoạt động, giao Ban quản lý dự án, phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện quản lý.

- Cụm công nghiệp Ái Tử: Có 12 doanh nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án với các ngành nghề: Sản xuất mộc mỹ nghệ, dân dụng; Cửa xẻ, chế biến gỗ rừng trồng; Sản xuất viên nén gỗ; Sản xuất bao bì. Trong đó: 06 dự án sản xuất kinh doanh ổn định, hoạt động có hiệu quả thu hút trên 350 lao động có thu nhập từ 5 - 7 triệu đồng/tháng.

- Cụm công nghiệp Đông Ái Tử: Có 22 doanh nghiệp được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Quyết định chủ trương đầu tư với các ngành nghề: May mặc, mộc mỹ nghệ - mộc dân dụng, gia công bề mặt ván, sản xuất thiết bị điện, khí công nghiệp, sản xuất gạch không nung, chế biến nông lâm sản và dược liệu. Trong đó: Có 09 doanh nghiệp đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng, đưa dự án đi vào hoạt động, thu hút hơn 1.369 lao động..

Có hơn 20 làng nghề và nghề truyền thống, trong đó có 4 làng được UBND tỉnh công nhận làng nghề truyền thống, có 2 làng nghề được đầu tư xây dựng CSHT đã đi vào hoạt động (làng nghề bún Thượng Trạch và Linh Chiểu).

7.2. Về nông nghiệp

Sản xuất Nông Lâm Thủy sản phát triển ổn định, cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn từng bước chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại nông sản có giá trị kinh tế cao, hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến.

Các mô hình nông nghiệp sạch theo phương pháp canh tác tự nhiên, mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh thích với biến đổi khí hậu (CSA) ngày càng được đẩy mạnh và nhân rộng mang lại hiệu quả cao, đến nay đã phát triển lúa canh tác tự nhiên ở các xã: Triệu Trung, Triệu Sơn, Triệu Trạch và Triệu Tài, mô hình CSA ở các xã: Triệu Độ, Triệu Hoà, Triệu Thuận, Triệu Trung và Triệu Giang. Phát triển diện tích gieo trồng



tập trung lúa hữu cơ trên địa bàn các xã gồm: Triệu Tài, Triệu Trạch, Triệu Trung, Triệu Sơn, Triệu Thuận.

Toàn huyện gieo trồng 16.122,7 ha, trong đó diện tích lúa gieo cấy đạt 11.455,59 ha (diện tích lúa chất lượng cao 9.163,43 ha, chiếm 80%). Năng suất lúa thu hoạch bình quân đạt 61,46 tạ/ha.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển về số lượng, tập trung chuyển mạnh từ giống truyền thống năng suất, chất lượng thấp sang giống mới, giống lai cho năng suất và chất lượng cao hơn. Trên địa bàn có 56 cơ sở chăn nuôi đạt quy mô trang trại, trong đó 41 trang trại quy mô nhỏ, 14 trang trại quy mô vừa, 01 trang trại quy mô lớn. Tổng đàn gia súc đạt 43.850 con, trong đó: Đàn trâu 1.255 con; đàn bò: 7.920 con; đàn lợn 36.200 con; đàn dê 720 con; tổng đàn gia cầm 890.000 con.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được tăng cường. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật với nhiều hình thức phong phú đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của người dân về việc trồng, bảo vệ và phát triển rừng. Tổng diện tích đất có rừng là 15.020,27 ha, trong đó: đất rừng tự nhiên 1.039,23 ha, đất rừng trồng 13.981,04 ha. Diện tích rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt, có 1.040,74 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC, VFCS. Năm 2023, diện tích rừng trồng tập trung là 1.858 ha. Tổng diện tích rừng chăm sóc là 5.339 ha, sản lượng gỗ khai thác đạt 204.000m³.

Đã ứng dụng một số mô hình mới vào nuôi trồng thủy sản như: nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát; nuôi tôm công nghệ cao bằng hệ thống ao nổi, hồ tròn; nuôi hàu sữa; nuôi cá chẽm trong lồng bè... Đánh bắt hải sản được chú trọng.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2023 đạt 730,6 ha, trong đó: Diện tích nuôi nước lợ - mặn: 425,6 ha; chuyên tôm: 376,6 ha; xen ghép: 35 ha; ốc hương: 15,7 ha; cá kình: 6,5 ha, thủy sản nước ngọt 305 ha. Sản lượng nuôi trồng thủy sản: 2.161,5 tấn, trong đó: Tôm 1.484,3 tấn, cá nước ngọt 463,5 tấn. Sản lượng khai thác thủy hải sản ước đạt 3.525,5 tấn, trong đó, khai thác hải sản 3.210,5 tấn, thủy sản 315 tấn.

7.3. Về Thương mại, dịch vụ

Thị trấn Ái Tử



Mô hình sản xuất giống lúa mới Hg12 - Ảnh: Võ Dũng



Nuôi cua xã Triệu An

Huyện Triệu Phong đã từng bước phát triển ngành dịch vụ, thương mại cùng với ngành dịch vụ, thương mại tỉnh Quảng Trị. Phát triển theo hướng nâng cao hiệu quả, chất lượng và bền vững, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy những giá trị đạo đức, văn hoá dân tộc, giữ gìn an ninh quốc phòng, đảm bảo công bằng xã hội.

Phát triển mạnh thị trường nội huyện, đồng thời tăng cường mở rộng giao lưu mua bán với các huyện trong vùng và cả nước nhờ vào ưu thế về hệ thống giao thông. Phát triển rộng và đồng bộ các loại hình dịch vụ, khai thác tốt các lợi thế, đầu tư đón đầu để phát triển dịch vụ chất lượng cao, chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo của nền kinh tế. Nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ hiện đại, văn minh phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế thế giới, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Hệ thống chợ được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, đưa vào khai thác, toàn huyện có 14 chợ theo quy hoạch, trong đó các chợ được đầu tư xây dựng, gồm có 01 chợ hạng II (Chợ Ái Tử), còn lại là 11 chợ hạng III (2 chợ Triệu Trạch, Triệu Văn chưa được đầu tư xây dựng). Mạng lưới chợ trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu buôn bán, mua sắm và trao đổi hàng hoá của người dân. Hiện có hơn 3.000 tiểu thương kinh doanh tại các chợ. Có 2 siêu thị điện máy xanh tại thị trấn Ái Tử và xã Triệu Trạch.

Hệ thống cửa hàng kinh doanh tổng hợp ngày càng phát triển, hiện toàn huyện có 362 cửa hàng; ngoài ra có những cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ khắp các xã, thị trấn. Việc hình thành các điểm kinh doanh thương mại dịch vụ tập trung tại xã Triệu Giang, Triệu Hòa và Triệu Độ đã thúc đẩy kinh doanh buôn bán, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, góp phần chỉnh trang nông thôn mới.

Huyện Triệu Phong có 17 cửa hàng xăng dầu tại thị trấn Ái Tử, xã Triệu Tài, xã Triệu Phước, xã Triệu An, xã Triệu Ái, xã Triệu Đại, xã Triệu Long, xã Triệu Thuận, xã Triệu Sơn, xã Triệu Lăng, xã Triệu Thành, xã Triệu Thượng và 2 tàu, thuyền bán dầu tại xã Triệu An.



7.4. Về du lịch

Với định hướng chiến lược phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Huyện đã triển khai và phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng để khai thác tiềm năng, phát triển du lịch của địa phương, khai thác các thế mạnh về du lịch biển, du lịch sinh thái hồ đập, sông..., gắn với di tích lịch sử văn hoá, cách mạng. Tăng cường kết nối với ngành du lịch tỉnh tạo điểm đến cho du khách trong các tour du lịch đến Quảng Trị. Các hoạt động du lịch đang được khai thác mạnh là tham quan các điểm di tích lịch sử cách mạng (Nhà lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn...), du lịch tâm linh (Chùa Tổ đình sắc tứ Tịnh Quang, lễ hội Chợ đình Bích La, chùa Long An...), du lịch biển (các bãi tắm dọc biển các xã ven biển, nổi bật nhất là bãi tắm Nhật Tân xã Triệu Lăng), ẩm thực...

- Tổng lượt khách tham quan: Khoảng 36.300 lượt/năm; chiếm khoảng 2% lượng khách của du lịch tỉnh.

+ Khách lưu trú: 5 - 10% tổng lượt khách.

- Các điểm du lịch nổi bật:

+ Đình và lễ hội đình Bích La: 20.000 lượt khách/năm.

+ Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn: 8.000 lượt khách/năm.

+ Tổ đình sắc tứ Tịnh Quang: 5.000 lượt/năm.

+ Bãi tắm Nhật Tân: Bãi tắm chủ yếu phục vụ khách nội tỉnh và một số du khách các tỉnh lân cận (Huế, Quảng Bình);

- Tuyến du lịch:

+ Tour du lịch phía Nam Quảng Trị kết nối các điểm Thành cổ Quảng Trị - Trung tâm hành hương Đức Mẹ La Vang - Nhà lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn.

+ Lễ hội Chợ đình Bích La

- Cơ sở dịch vụ: có 644 cơ sở, trong đó có 613 cơ sở ăn uống, 30 cơ sở Karaoke, 1 khu vui chơi giải trí trẻ em.



CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT



CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH

- UBND huyện Triệu Phong là Trung tâm chính trị kinh tế xã hội của huyện, có trụ sở tại Số 246, Lê Duẩn, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.



- Các đơn vị hành chính thuộc huyện (NGTK 2023):

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Dân số			Mật độ dân số (người/km ²)
			Tổng số	Nam	Nữ	
	Huyện Triệu Phong	35.339,3	60.255	44.797	45.458	255,40
01	Thị trấn Ái Tử	350,4	4.806	2.460	2.346	1.371,43
02	Xã Triệu An	1.389,6	6.772	3.440	3.332	487,33
03	Xã Triệu Vân	1.066,0	2.795	1.427	1.369	262,20
04	Xã Triệu Phước	1.720,0	6.383	3.143	3.241	371,10
05	Xã Triệu Độ	1.025,4	5.261	2.552	2.710	513,07
06	Xã Triệu Trạch	3.383,2	4.879	2.425	2.454	144,21
07	Xã Triệu Thuận	702,5	4.772	2.322	2.450	679,22

08	Xã Triệu Đại	921,2	4.303	2.104	2.199	467,11
09	Xã Triệu Hoà	1.071,2	4.935	2.453	2.482	460,65
10	Xã Triệu Lăng	1.142,7	4.013	1.994	2.019	351,14
11	Xã Triệu Sơn	1.765,0	3.262	1.585	1.678	184,82
12	Xã Triệu Long	898,0	5.812	2.872	2.940	647,16
13	Xã Triệu Tài	665,8	4.362	2.148	2.214	655,08
14	Xã Triệu Trung	733,3	4.505	2.219	2.286	614,28
15	Xã Triệu Ái	10.070,2	4.630	2.317	2.313	45,97
16	Xã Triệu Thượng	6.882,3	5.715	2.856	2.859	83,04
17	Xã Triệu Giang	706,0	4.937	2.437	2.400	685,06
18	Xã Triệu Thành	846,5	8.218	4.047	4.171	970,76

2. GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

2.1. Giáo dục phổ thông

Trên địa bàn huyện có 46 trường công lập, trong đó có 18 trường mầm non, 24 trường TH, THCS (07 TH, 06 THCS, 11 TH&THCS) và 04 trường THPT.

Đến năm 2023, toàn huyện có 35/42 trường (không tính trường THPT) được công nhận đạt kiểm định chất lượng và trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó có 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2) chiếm tỷ lệ 83,33%, nằm trong các đơn vị dẫn đầu về tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của tỉnh.



TT	Tiêu chí	Mầm non	TH&THCS	THPT
1	Số trường	18	24 (7 TH, 6 THCS, 11 TH&THCS)	4
2	Số lớp	187	463 (300 TH, 163 THCS)	92
3	Số phòng học	?	478 (315 TH, 163 THCS)	60
4	Tổng số giáo viên	350	841 (458 TH, 383 THCS)	213
5	Đạt chuẩn trở lên	350	841	213
6	GV nữ	350	595	133
7	Số học sinh	4.724	12.842 (7.370 TH, 5.466 THCS)	3.534
8	Bình quân HS/lớp	25,26	TH: 24,58; THCS: 33,53	38,41

2.2. Giáo dục đào tạo nghề

Trung tâm GDNN-GDTX Triệu Phong có địa chỉ số 10 Trần Hưng Đạo, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong. Đội ngũ GVGD có 14 người trong đó có 06 nữ. Trình độ thạc sĩ: 03 người.

+ Ngành nghề đào tạo:

Trung tâm phối hợp với UBND các xã trên địa bàn huyện tổ chức đào tạo các ngành nghề phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và các nghề khác trên địa bàn, cụ thể:

- + Theo ngành nghề đào tạo: Nông nghiệp; Phi nông nghiệp.
- + Theo trình độ đào tạo: Sơ cấp nghề; Dạy nghề dưới 3 tháng.

3. BỆNH VIỆN, CƠ SỞ Y TẾ:

- Cơ sở y tế: 20, trong đó: 01 Bệnh viện, 01 Phòng khám đa khoa khu vực và 18 trạm y tế.

- Giường bệnh: 246 giường, trong đó: Bệnh viện tuyến huyện: 110; Phòng khám đa khoa khu vực: 35; trạm y tế: 101.

- Nhân lực ngành Y: 253 người, trong đó: Bác sĩ: 49; Y sĩ: 30; Điều dưỡng: 55; Hộ sinh: 53; Kỹ thuật viên Y: 14; Khác: 52.

- Nhân lực ngành dược: 91, trong đó: Dược sĩ ĐH: 12; Dược sĩ cao đẳng, trung cấp: 70, Dược tá: 09.

Bệnh viện huyện Triệu Phong có địa chỉ tại 07 Đặng Thới, Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu



Phong. Bệnh viện có 5 phòng chức năng (KHN, Tổ chức hành chính, tài vụ, điều dưỡng, Công tác xã hội) và các khoa lâm sàng gồm: Nội, Ngoại tổng hợp, Liên chuyên khoa, Nhi, Hồi sức cấp cứu, Dược, Đông y và khoa khám bệnh. Ngoài ra Bệnh viện còn có phòng khám Bổ Bản phục vụ cụm dân cư các xã miền biển và vùng sâu, vùng xa của huyện, mô hình hoạt động gần giống một bệnh viện huyện thu nhỏ bao gồm lâm sàng điều trị Tây y + Đông y, phục hồi chức năng và siêu âm, XQuang, xét nghiệm và chuyên khoa lẻ như RHM ...

4. TÀI CHÍNH, BẢO HIỂM

Ngân hàng : tại huyện Triệu Phong hiện có chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội; Phòng giao dịch Ngân hàng LienVietPostBank.



5. DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI

Phát triển theo hướng nâng cao hiệu quả, chất lượng và bền vững, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy những giá trị đạo đức, văn hoá dân tộc, giữ gìn an ninh quốc phòng, đảm bảo công bằng xã hội; phát triển mạnh thị trường nội huyện, đồng thời tăng cường mở rộng giao lưu mua bán với các huyện trong vùng và cả nước nhờ vào ưu thế về hệ thống giao thông; Phát triển rộng và đồng bộ các loại hình dịch vụ, khai thác tốt các lợi thế, đầu tư đón đầu để phát triển dịch vụ chất lượng cao, chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo của nền kinh tế. Nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ hiện đại, văn minh phù hợp với xu thế hội nhập KT thế giới, đáp ứng nhu cầu SX và tiêu dùng. Đầu tư cơ sở vật chất ngành TM - DV, lấy thị trường đô thị (thị trấn, thị tứ) làm trọng tâm; hỗ trợ và thúc đẩy thị trường nông thôn phát triển. Hình thành đội ngũ cán bộ quản lý điều hành; cán bộ KH, nhân viên tác nghiệp đủ trình độ và năng lực để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh.

+ Hệ thống chợ: Hệ thống chợ được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, đưa



vào khai thác, toàn huyện có 14 chợ theo quy hoạch, trong đó các chợ được đầu tư xây dựng, gồm có 01 chợ hạng II (Chợ Ái Tử), còn lại là 11 chợ hạng III (2 chợ Triệu Trạch, Triệu Vân chưa được đầu tư xây dựng). Mạng lưới chợ trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu buôn bán, mua sắm và trao đổi hàng hoá của người dân. Hiện có hơn 3.000 tiểu thương kinh doanh tại các chợ.

+ **Siêu thị, điểm thương mại dịch vụ:** huyện Triệu Phong có 2 siêu thị Điện Máy Xanh tại thị trấn Ái Tử và xã Triệu Trạch, đều thuộc hạng III với mô hình hoạt động là chuyên doanh.



Siêu thị Điện Máy Xanh

Hệ thống cửa hàng kinh doanh tổng hợp ngày càng phát triển, hiện toàn huyện có 362 cửa hàng; ngoài ra có những cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ khắp các xã, thị trấn. Việc hình thành các điểm kinh doanh thương mại dịch vụ tập trung tại xã Triệu Giang, Triệu Hòa và Triệu Độ đã thúc đẩy kinh doanh buôn bán, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, góp phần chỉnh trang nông thôn mới.



Cửa hàng xăng dầu Triệu Trung

Việc phát triển các chợ truyền thống cùng với mạng lưới các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đã giúp thị trường khu vực nông thôn phát triển tương đối đồng đều so với đô thị.

+ **Hệ thống cửa hàng xăng dầu:** Huyện Triệu Phong có 17 cửa hàng xăng dầu tại thị trấn Ái Tử, xã Triệu Tài, xã Triệu Phước, xã Triệu An, xã Triệu Ái, xã Triệu Đại, xã Triệu Long, xã Triệu Thuận, xã Triệu Sơn, xã Triệu Lăng, xã Triệu Thành, xã Triệu Thượng và 2 tàu, thuyền bán dầu tại xã Triệu An.

6. DU LỊCH

Huyện Triệu Phong có tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế du lịch đa dạng về các loại hình: du lịch biển, du lịch tâm linh, du lịch truyền thống cách mạng, du lịch khám phá trải nghiệm thiên nhiên, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch ẩm thực, du lịch cộng đồng... với tài nguyên du lịch khá phong phú về biển, tài nguyên thiên nhiên, hệ thống di tích văn

hóa, lịch sử cách mạng, di sản văn hóa lễ hội đặc sắc...

6.1. Tài nguyên du lịch:

- **Tài nguyên du lịch biển:** Với chiều dài bờ biển 18km, bờ biển cát trắng và thoải là điều kiện rất thuận lợi cho phát triển loại hình du lịch biển cao cấp (khách sạn, resort cao cấp...), các khu vui chơi, giải trí, ẩm thực biển...

- **Tài nguyên du lịch văn hóa, lịch sử cách mạng:** Với bề dày lịch sử hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử, huyện Triệu Phong đang lưu giữ kho tàng khá phong phú về các di sản văn hóa, lịch sử cách mạng.

+ Văn hóa dân gian với các hệ thống lễ hội nổi tiếng như Lễ hội Chợ Đình Bích La, Lễ hội đua thuyền truyền thống, hệ thống lễ hội dân gian đặc sắc làng Nại Cửu (lễ hội Xuân Thử, lễ hội Kỳ Yên và lễ hội Xã Tắc hay còn gọi là Lễ hội xuống đồng), các lễ hội truyền thống Phật giáo ở Chùa Sắc Tứ (và các chùa làng trong huyện)... Bên cạnh đó, các lễ hội cách mạng cũng đang phát triển trở thành các lễ hội truyền thống của huyện cũng như của tỉnh như Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn, Lễ hội Thống nhất non sông... và gần đây nhất là Lễ hội Vì Hòa Bình.



Lễ hội đua thuyền

+ Hệ thống các di tích văn hóa, lịch sử: Trên địa bàn huyện, tổng số di tích được công nhận là 80 di tích (trong đó có 02 di tích quốc gia đặc biệt; 03 di tích quốc gia; 75 di tích cấp tỉnh), bao gồm 69 di tích lịch sử, 01 di tích văn hóa nghệ thuật, 04 di tích khảo cổ, 05 di tích kiến trúc nghệ thuật và 01 di tích lịch sử danh nhân cách mạng. Đặc biệt các di tích thuộc hệ thống Di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, Khu lưu niệm Tổng Bí Thư Lê Duẩn (Di tích cấp quốc gia), Chùa Sắc Tứ... là những điểm di tích thu hút khách du lịch quan tâm



Khu lưu niệm Tổng Bí Thư Lê Duẩn



Nem chợ Sãi

nhất.

+ Văn hóa ẩm thực và làng nghề truyền thống: Các món ăn dân gian Triệu Phong khá nổi tiếng và được du khách ưa thích như: lòng sả, nem Chợ Sãi, làng nghề bánh ướt Phương Lang, làng nghề bánh ít lá gai thôn Đại Hào, xã Triệu Đại,...

- **Tài nguyên thiên nhiên:** Với diện tích đất rừng và vùng gò đồi rộng lớn phía Tây Nam huyện, cùng với hệ thống sông ngòi, ao, hồ tạo nên những khu, điểm thiên nhiên đẹp rất có tiềm năng cho phát triển du lịch như: Hồ Ái Tử (xã Triệu Ái), hồ Gia Chám, Đập Tài (xã Triệu Thượng), rừng Bần (xã Triệu Độ), rừng ngập mặn Bắc Phước (xã Triệu Phước)...

Tuyến sông Thạch Hãn chảy qua các khu vực đồng bằng huyện Triệu Phong, kết nối Khu ATK Ba Lòng (huyện Đakrông), di tích Thành Cổ Quảng Trị và điểm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh dọc tuyến sông như: Đập Trám, Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Chùa Long An, địa điểm di tích lịch sử trận “Bạch Đằng trên sông Thạch Hãn, Bến đà Mai Xá,.. đến Cửa Việt cũng là một trong những tài nguyên du lịch sông nước rất phong phú và tiềm năng.

6.2. Các sản phẩm du lịch đang khai thác:

- Du lịch tham quan các di tích lịch sử cách mạng: các tour du lịch tham quan Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn (xã Triệu Thành), Đền thờ Bác Hồ (xã Triệu Ái), Khu lưu niệm Phó Thủ tướng Trần Hữu



Rừng ngập mặn Bắc Phước



Sông Thạch Hãn



Tượng đài chiến thắng Cửa Việt



Lễ hội Chợ đình Bích La

Dực (xã Triệu Thuận), Khu lưu niệm Đại tướng Đoàn Khuê – Nguyên uỷ viên Bộ Chính trị, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (xã Triệu Lăng), Tượng đài chiến thắng Cửa Việt (xã Triệu An)....

- Du lịch tham quan các di tích văn hóa, lịch sử, du lịch tâm linh: tham quan dinh Chúa Nguyễn 1558-1626 (xã Triệu Ái, xã Triệu Giang, thị trấn Ái Tử), Tổ đình Sắc Tứ Tịnh Quang (thị trấn Ái Tử), Lăng mộ và Đền thờ Kỳ Vĩ quận công Nguyễn Văn Tường (xã Triệu Phước)... đặc biệt tour du lịch “Lễ hội Chợ đình Bích La” (xã Triệu Thành) diễn ra đêm mồng 2 rằm mồng 3 Tết Âm lịch thu hút 20.000 lượt khách/năm đến với lễ hội.

- Du lịch biển: Bãi tắm Nhật Tân (xã Triệu Lăng) là một trong những điểm thu hút khách du lịch khá lớn trong các dịp hè, nghỉ lễ.

6.3. Cơ sở hạ tầng du lịch:

- Cơ sở lưu trú: Có 01 khách sạn 01 sao (Khách sạn Thái Anh tại Phú Áng, Triệu Giang, với 17 buồng), 7 nhà nghỉ.

- Cơ sở dịch vụ: 644 cơ sở, trong đó có 613 cơ sở ăn uống, 30 cơ sở Karaoke, 01 khu vui chơi giải trí trẻ em, 01 bãi tắm du lịch (Bãi tắm Nhật Tân, xã Triệu Lăng).

6.4. Tiềm năng phát triển du lịch:

Với tài nguyên du lịch phong phú và khả năng kết nối, liên kết mạnh với các tài nguyên du lịch trong tỉnh, các tỉnh lân cận và khu vực Miền Trung, ngoài các sản phẩm du lịch nổi tiếng đang khai thác (du lịch Con đường di sản Miền Trung, tour du lịch đồng đội và chiến trường xưa, du lịch DMZ...), du lịch Triệu Phong có nhiều tiềm năng đầu tư và khai thác nhiều sản phẩm du lịch phong phú đa dạng: du lịch tâm linh, du lịch lễ hội, du lịch truyền thống cách mạng, du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch đường sông, du lịch cộng đồng kết hợp với văn hóa lễ hội, ẩm thực dân gian, du lịch nông nghiệp và du lịch trang trại farmstay phía Tây huyện Triệu Phong...

Triệu Phong đã thu hút được một số dự án đầu tư về du lịch: Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Ái Tử của Công ty



Khách sạn Thái Anh



CP đầu tư Sâm Cầm với quy mô đầu tư 70ha và tổng mức đầu tư 377 tỷ đồng; 02 dự án đang được nghiên cứu làm thủ tục đầu tư: Khu du lịch dịch vụ Triệu Vân, Khu đô thị và quần thể du lịch sinh thái Triệu Vân.

7. VĂN HÓA THỂ THAO

Trên địa bàn huyện 100% xã có trung tâm văn hóa, học tập cộng đồng hoặc địa điểm đảm bảo sinh hoạt, hội họp, có sân thể thao. Có 90% số thôn, khu dân cư đã xây dựng nhà văn hóa thôn hoặc nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nhiều thôn, khu dân cư đã xây dựng nhà văn hóa khang trang với kinh phí hàng tỉ đồng.

Hiện nay, Thư viện huyện đã được đầu tư nâng cấp khang trang đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đến đọc sách, truy cập internet cho người dân. Thư viện huyện có 8.256 bản sách, 10 bộ máy vi tính có kết nối internet, 1 bộ máy in. Toàn huyện có 7 thư viện xã, 100% trường học trên địa bàn đều có hệ thống thư viện, mỗi thư viện có bình quân khoảng 7.000 cuốn bao gồm sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi,... phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu ngày càng cao của giáo viên, học sinh.

Đối với thiết chế liên quan đến TDTT được quan tâm đầu tư từng bước đáp ứng nhu cầu tập luyện và tổ chức các giải đấu của địa phương. Trên địa bàn huyện hiện có 7 sân bóng đá 7 người và 11 người, 60 sân bóng chuyền đạt chuẩn. Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện TDTT thường xuyên ước đạt gần 30%, số gia đình tập luyện thể thao thường xuyên ước đạt gần 14%.

Đến nay, toàn huyện có 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và thị trấn Ái Tử đạt chuẩn văn minh đô thị; 100% thôn, khu dân cư đạt danh hiệu văn hóa. Đến nay, toàn bộ các xã trên địa bàn huyện đều đạt chuẩn NTM, 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; huyện cơ bản đạt các tiêu chí huyện NTM.



CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN

Hệ thống lưới điện toàn huyện gồm có đường dây 550kV, 220kV và 110kV được cung cấp từ lưới điện Quốc gia.

Nguồn điện: Huyện Triệu Phong thuộc vùng IV phân vùng phụ tải cấp điện. Nguồn điện cấp từ trạm TBA 110KV Đông Hà, qua xuất tuyến 474, 416, 472, 478.

Hiện trạng lưới điện: Mạng lưới điện trung áp và hạ áp trên địa bàn huyện do Điện lực Thành Cổ và Điện lực Triệu Phong quản lý.

Điện lực Thành Cổ (địa chỉ tại 70 Quang Trung, Phường 2, thị xã Quảng Trị) quản lý và vận hành cấp điện cho các xã Triệu Trung, Triệu Sơn, Triệu Tài, Triệu Thành, Triệu Trạch, Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng.

Điện lực Triệu Phong (địa chỉ đường Huyền Trân Công Chúa, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong) quản lý và vận hành cấp điện cho Thị trấn Ái Tử và các xã Triệu Giang, Triệu Ái, Triệu Thượng, Triệu Long, Triệu Hòa, Triệu Đại, Triệu Độ, Triệu Thuận, Triệu Phước, Triệu Sơn (một phần xã Triệu Sơn do điện lực Hải Lăng quản lý và vận hành cấp điện).

Tổng chiều dài đường dây trung áp là 218,447km, đường dây hạ áp là 571,81km. số trạm biến áp là 238 trạm, với tổng công suất 48.671KVA. Số hộ sử dụng điện lưới 31.760 hộ.

Bên cạnh đó, nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời áp mái) phát triển khá, góp phần tiết kiệm điện năng và mang lại thu nhập cho các hộ gia đình, nhà máy, xí nghiệp,... Toàn huyện có 63 cá nhân và 05 tổ chức sản xuất với tổng công suất khoảng 2.472KW.



2. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

2.1. Nguồn nước

Trên địa bàn huyện Triệu Phong có 3 con sông lớn chảy qua là sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Phước, sông Vĩnh Định. Có hệ thống các công trình thủy lợi lớn của tỉnh như hồ Ái Tử, Triệu Thượng ngoài việc phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thì đây cũng là nguồn có khả năng cung cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt.

Nguồn nước ngầm: Khá phong phú, chất lượng trung bình, riêng vùng ven biển nhiều nơi bị nhiễm mặn, một số vùng bị phân hoá. Với trữ lượng nước mặt và nước ngầm như trên, nguồn nước của Triệu Phong hoàn toàn có thể đáp ứng các điều kiện để sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn huyện

2.2. Hiện trạng hệ thống cấp nước

Nhà máy nước (NMN) thị xã Quảng Trị bên cạnh việc cung cấp nước sạch cho thị xã Quảng Trị và 02 xã huyện Hải Lăng, còn thực hiện cấp nước sạch cho thị trấn Ái Tử và các xã Triệu Thượng, Triệu Thành thuộc huyện Triệu Phong.

NMN thị xã Quảng Trị được đầu tư xây dựng năm 1996 với công suất 3.500 m³/ngày.đêm. Đến năm 2014 và 2018, NMN thị xã Quảng Trị được cải tạo, nâng cấp thêm 2.000 m³/ngày.đêm. Công suất khai thác hiện trạng vượt quá 5.500m³/ngày.đêm. Nguồn nước thô: Nước mặt hồ Tích Tường.

Mạng lưới đường ống NMN thị xã Quảng Trị được đầu tư xây dựng qua nhiều giai đoạn từ năm 2006. Vật liệu sử dụng ống là gang, nhựa, thép.



Ở vùng nông thôn, hiện tại các xã Triệu Thuận, Triệu Độ, và Triệu Thành cơ bản đã xây dựng hệ thống cấp nước và các điểm cấp nước tập trung. Còn lại đa số người dân sử dụng nước giếng khoan đã qua xử lý hoặc dùng nước đóng bình do các cơ sở sản xuất trên địa bàn để sinh hoạt.

3. HỆ THỐNG GIAO THÔNG

3.1. Giao thông đường bộ

a) Hiện trạng đầu tư hệ thống giao thông đường bộ huyện Triệu Phong

Mạng lưới giao thông đường bộ được đầu tư xây phát triển khá đồng bộ gồm quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị, đường giao thông nông thôn và đường chuyên dùng.

Các trục dọc và trục ngang tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III (cấp IV đối với khu vực gò đồi không có khả năng mở rộng, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 100%)

Các tuyến đường tỉnh tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 100%.

Đường nội thị có quy mô phù hợp với cấp đô thị, tỷ lệ rải nhựa, bê tông, xi măng đạt 100%. Các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp IV, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 100%. Đường xã đạt tiêu chuẩn cấp V.

Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông, coi giao thông là một trong những động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển (năm 2020 mạng lưới giao thông của huyện đạt khoảng 0,85-1 km đường/km² và mật độ đường đạt khoảng 2,5-3km/1000 dân).



b) Quốc lộ: Trên địa bàn Triệu Phong có các tuyến đường quốc gia bao gồm Quốc lộ 1A, Quốc lộ 49C và đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn.

- Tuyến quốc lộ 1A đi qua với tổng chiều dài 7,4 km, đây là các tuyến giao thông quan trọng của huyện, quy mô đường cấp I. ĐB, nền rộng 37m, mặt rộng 23m (11,5m x 2), dải phân cách rộng 2m, hè phố rộng mỗi bên 6m. Tuyến đường này đã được đầu tư nâng cấp trải nhựa chất lượng khá.



- Quốc lộ 49C: gồm 02 tuyến:

+ Tuyến 1 QL49C: được hình thành từ tuyến đường tỉnh ĐT.581 (đường tỉnh 68 cũ) thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị và 0,634km đường địa phương thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế, đoạn tuyến QL49C qua địa phận huyện Triệu Phong có chiều dài khoảng 7,5km, Quy mô đường cấp IV đồng bằng, VI. ĐB (tùy theo đoạn). Nền rộng 6,5m - 9m, kết cấu mặt đường BTN.

+ Tuyến 2 QL49C: được hình thành từ tuyến đường tỉnh ĐT.580 (đường tỉnh 64 cũ) thuộc địa bàn huyện Triệu Phong. Tuyến qua huyện dài 17,8km, điểm đầu giao km770+600 QL1 tại thị xã Quảng Trị, điểm cuối tại cảng Nam Cửa Việt. Quy mô đường cấp IV đồng bằng, nền đường rộng 9m, mặt rộng 6m, kết cấu mặt đường BTN.

- Đường Cao tốc Cam Lộ - La Sơn: đi về phía Tây Nam huyện Triệu Phong (các xã Triệu Thượng, Triệu Ái), chiều dài khoảng 11,3km. Giai đoạn đầu đầu tư với quy mô 2 làn xe, bề rộng nền đường là 12m, riêng các đoạn vượt xe có quy mô 4 làn xe, bề rộng nền đường là 23m.

c) Tỉnh lộ:

Đường tỉnh ĐT579: Tuyến qua huyện dài khoảng 6km, điểm đầu giao QL1 tại thị trấn Ái Tử, điểm cuối giao ĐT.48B, quy mô đường cấp VI.ĐB, nền đường rộng 7,5m, mặt rộng 5,5m, kết cấu mặt đường BTN.

Đường tỉnh ĐT578B: Tuyến dài khoảng 5,5km, điểm đầu tại cầu Đại Lộc, điểm cuối giao với Quốc lộ 49C, quy mô đường cấp V.ĐB, nền đường rộng 7,5m, mặt rộng 5,5m, kết cấu mặt đường BTN.

d) Đường huyện: Toàn huyện có 21 tuyến với tổng chiều dài khoảng 146,3km,

e) Đường trục xã, liên xã: Toàn huyện có khoảng 121 đường trục xã.



g) Đường đô thị: Tập trung tại thị trấn Ái Tử, với tổng chiều dài khoảng 56,88km.

h) Bến bãi đỗ xe: Triệu Phong hiện có bãi đỗ xe khu vực Bồ Bản (gần cầu Bồ Bản) với quy mô nhỏ khoảng 500m².

3.2. Giao thông đường thủy

a) Hiện trạng luồng, tuyến.

Trên địa bàn huyện có các tuyến giao thông đường thủy như: tuyến trên sông Thạch Hãn, Vĩnh Định, Vĩnh Phước phục vụ giao thông đường thủy, chủ yếu khai thác vào lưu thông vận tải vật liệu xây dựng và phục vụ nhu cầu đi lại của một bộ phận nhỏ của cư dân ven các con sông. Trên địa bàn huyện có các tuyến đường thủy nội địa do Trung ương uỷ thác cho tỉnh quản lý sau:

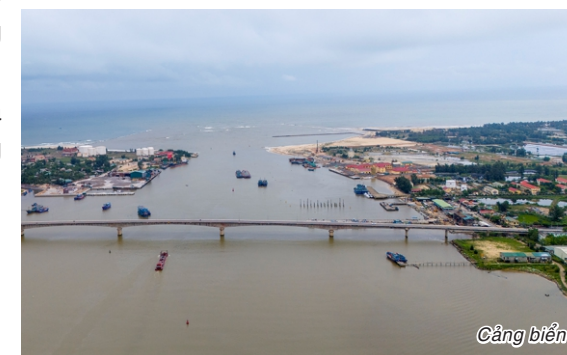
- Sông Thạch Hãn: dài 46km, từ ngã ba Gia Độ đến Ba Lòng, độ sâu luồng lạch - 1,2 m, trên tuyến có 3 cầu: cầu Thạch Hãn (đường sắt, đường bộ), cầu An Mô, cầu Đại Lộc, đặc biệt đập Trầm ảnh hưởng lớn đến khai thác vận tải thủy. Hiện tại phương tiện có trọng tải 5 tấn - 15 tấn có thể hoạt động được trên tuyến sông. Tuyến sông Thạch Hãn được chia làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1: Gia Độ đến đập Trầm dài 25km. Đạt tiêu chuẩn sông cấp III

+ Đoạn 2: Đập Trầm đến Ba Lòng dài 21km. Đạt tiêu chuẩn sông cấp IV.

- Tuyến sông Hiếu: từ Gia Độ đến cầu Cửa Việt dài 9,25km. Đạt tiêu chuẩn sông cấp III.

b) Hiện trạng cảng biển:



- Dự án Bến cảng CFG Nam Cửa Việt tại thôn Phú Hội, xã Triệu An, huyện Triệu Phong thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với tổng diện tích 18,75ha.

- Cảng cá Nam Cửa Việt: là cảng cá loại II, đang được nâng cấp và mở rộng. Sau khi hoàn thành, năng lực của cảng cá Nam Cửa Việt sẽ được nâng quy mô từ 1,3ha lên 6,4ha; sức chứa cùng lúc tăng từ 5-6 tàu công suất 250 CV lên 350 tàu cá công suất trên 400CV. Các hạng mục khác của cảng cá Nam Cửa Việt cũng được xây dựng và nâng cấp như bến cảng, bờ kè, kho bãi.

3.3. Giao thông đường sắt:

Trên địa bàn huyện đường sắt Bắc Nam chạy qua trên địa phận xã Triệu Ái, Triệu Thượng, tổng chiều dài khoảng 7,86km. Tại huyện Triệu Phong không có điểm dừng tàu, tuy nhiên các ga tàu có khoảng cách khá gần với thị trấn Ái Tử (ga Đông Hà cách khoảng 8km về phía Tây Bắc và ga Quảng Trị cách khoảng 6km về phía Đông Nam).

4. HỆ THỐNG VIỄN THÔNG

Trên toàn huyện có 26 điểm phục vụ, trong đó có 6 bưu cục của Bưu điện tỉnh, 2 bưu cục của bưu chính Viettel và 13 điểm bưu điện văn hóa xã. Hai bưu cục của bưu chính Viettel đều đặt tại thị trấn Ái Tử.

Trên địa bàn huyện, có hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang của các doanh nghiệp Viễn thông Quảng Trị VNPT, Viettel, CMC Telecom, Mobifone. Trong đó, VNPT Quảng Trị chiếm 67% số km cáp, thực hiện ngầm hóa được 15%; Viettel thực hiện ngầm hóa được gần 12%.

Mật độ thuê bao điện thoại di động hiện nay đạt 92 thuê bao/100 dân, mật độ thuê



bao Internet đạt 70 thuê bao/100 dân.

100% các điểm phục vụ cung cấp các dịch vụ về thương mại điện tử và logistics. 90% các điểm phục vụ cung cấp dịch vụ hành chính công. Nhìn chung, công tác bưu chính trên địa bàn huyện hoạt động khá hiệu quả, đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của nhân dân và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện. Hệ thống chuyển phát các dịch vụ bưu chính đã đến được tất cả các xã trong huyện.

- Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang: 100% thôn, khu phố có hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ truy cập internet.

- Hạ tầng mạng thông tin di động: Trên địa bàn huyện có 4 mạng thông tin di động bao gồm Vinaphone, MobiFone, Viettel Mobile, Vietnam Mobile với tổng số trạm thu phát sóng di động là 342 trạm, trong đó, 40% trạm 3G, 34% trạm 3G và còn lại là trạm 2G. Bán kính phục vụ là 0,93km/cột. Huyện có vùng phủ sóng thông tin di động tốt thứ ba toàn tỉnh, sau thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị.

Mạng băng rộng phủ sóng 100% xã trên địa bàn huyện. Với độ phủ khá tốt và không có nhiều vùng lõm do thuận lợi về mặt địa hình (thoải từ Tây sang Đông và không có đồi núi), hạ tầng viễn thông của huyện sẵn sàng cho việc triển khai 5G trên toàn địa bàn.

- Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang: 100% thôn, xã có hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ truy cập internet. Mạng truyền dẫn cáp quang đã được phủ đến 100% xã với 117km cáp, trong đó, tỷ lệ cáp ngầm đạt 26,5%.

Trên địa bàn huyện, có hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang của hai doanh nghiệp VNPT Quảng Trị và Viettel, trong đó, VNPT Quảng Trị chiếm 67% số km cáp, thực hiện ngầm hóa được 15%; Viettel thực hiện ngầm hóa được gần 12%.

Hạ tầng kết nối tại 6 xã thuộc quy hoạch của Khu Kinh tế Đông Nam: hạ tầng thông tin và truyền thông tuân thủ theo Quyết định 1936/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2016 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2030 đảm bảo tính hiện đại trên cơ sở khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, tham gia khai thác và cung cấp dịch vụ viễn thông tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

Hạ tầng kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số: đảm bảo sẵn sàng phục vụ phát triển chính quyền điện tử trên địa bàn huyện. 35/35 cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp có sử dụng mạng nội bộ LAN để trao đổi công việc, đạt tỷ lệ 100%. 100% xã, thị trấn có máy tính nối mạng Internet cáp quang tốc độ cao, nối mạng nội bộ (LAN) nhằm chia sẻ tài liệu, tài nguyên. Tổng dung lượng băng thông rộng là 500Mbs.

5. HỆ THỐNG THU GOM RÁC/NƯỚC THẢI

5.1. Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải của huyện hiện nay chưa được đầu tư xây dựng, hệ thống thoát nước là hệ thống thoát chung cho nước mưa và nước thải, chủ yếu được xây dựng ở thị trấn Ái Tử là hệ thống cống BTCT với chiều dài khoảng 6,2km. Đối với các xã, hệ thống thoát nước chủ yếu là mương thu nấp đan và chỉ được tập trung xây dựng ở khu vực trung tâm xã, còn lại hầu như chưa được xây dựng.

Nước thải sinh hoạt của khu vực thị trấn được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó được thoát ra hệ thống cống chung.

Đối với dân cư các xã, nước thải sinh hoạt cơ bản là tự thấm và chảy theo địa hình ra các vườn và sông suối trong khu vực.

CCN Ái Tử đã được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

5.2. Quản lý và xử lý chất thải rắn:

Tổng lượng CTR phát sinh trên huyện Triệu Phong ước tính khoảng 58,09 tấn/ngày chiếm 7,55 % CTR phát sinh toàn tỉnh. Trong đó CTRSH là 44,1 tấn/ngày, CTRCN 11,58 tấn/ngày, CTRYT là 0,111 tấn/ngày, CTRXD là 2,31 tấn/ngày.

* CTR sinh hoạt:

Thành phần CTR SH chủ yếu chất thải thực phẩm (chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học); giấy, bìa các tông; nhựa; vải; cao su; rác vườn; gỗ; kim loại: nhôm, sắt,...; đồ gốm, sành, thủy tinh; chất thải vỏ, lọ thủy tinh không chứa thành phần nguy hại; các loại khác: tã lót, khăn vệ sinh,... và tỷ lệ nhỏ chất thải nguy hại như đồ điện gia dụng thải bỏ; pin thải, bao bì thuốc diệt côn trùng.

Được thu gom bởi Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Triệu Phong. Có 18/18 thị trấn, xã được thu gom với tần suất là TT. Ái Tử thu gom hàng ngày, xã Triệu Trạch 2



Hình minh họa - Ảnh Internet

lần/tháng, xã Triệu Lăng 3 lần/tháng, xã Triệu Vân 4 lần/tháng và 14 xã còn lại: 2 - 3 lần/tháng. Hiện nay trên địa bàn huyện đang có 01 bãi chôn lấp tại xã Triệu Thượng, đang hoạt động với diện tích 3,87 ha với hình thức chôn lấp hợp vệ sinh. Bãi chôn lấp được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2015. Diện tích ô chôn lấp 0,87 ha, công suất tiếp nhận khoảng 50 tấn/ngày.

Hiện trạng bãi chôn lấp Triệu Thượng đã gần lấp đầy, dự kiến còn 02 năm sẽ lấp đầy ô thứ 2.

* CTR Công nghiệp:

Thành phần chất thải chủ yếu là Chất thải thực phẩm, bao bì, nilong, bùn, sét, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu, nhớt thải từ máy móc, động cơ,... Vải vụn, chỉ thừa, gỗ thừa, mùn cưa, phoi bào, vỏ đựng hóa chất phun, xịt bóng, hóa chất.

Tại các CCN phần lớn CTRTT 100% được thu gom xử lý cùng với CTR sinh hoạt. Tại các cơ sở có tỷ lệ phát sinh ít, không thường xuyên thu gom và xử lý còn nhiều hạn chế, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, đặc biệt là tác động đến sức khỏe người dân.

* CTR y tế:

Khối lượng CTR Y tế phát sinh là 0,111 tấn/ngày, tỷ lệ CTR Y tế phát sinh chiếm 4 % tổng lượng CTR y tế phát sinh toàn tỉnh. Thành phần CTR y tế phát sinh từ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm: CTR y tế thông thường, CTR Y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm sắc nhọn, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu, CTNH không lây nhiễm dạng rắn và CTNH không lây nhiễm dạng lỏng,...

CTR y tế thông thường: được thu gom hàng ngày đến nơi tập kết và xử lý cùng với CTR sinh hoạt tỷ lệ thu gom 100%.

CTR y tế nguy hại: được thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định. Đối với các Trung tâm y tế huyện Triệu Phong xử lý Lò đốt KW-20 NEW VERSION nhiệt phân 2 buồng với công suất 20 - 30 kg/h. Đối với các trạm y tế xã/ Phòng khám đa khoa khu vực dùng lò đốt thủ công, một số lò đốt CTR y tế có chiều cao ống khói không đạt tối thiểu 20m, khí thải không đạt yêu cầu, gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, sức khỏe người dân.

* CTR xây dựng: Khối lượng CTR xây dựng phát sinh tại huyện Triệu Phong là 2,31 Tấn/ngày chiếm 8% tổng lượng CTR xây dựng phát sinh trên toàn tỉnh. Thành phần chủ yếu xây dựng được vứt bỏ đi phần lớn là bê tông vụn, gạch ngói vỡ chiếm 58%, tiếp đến là thành phần đất cát hơn 28% còn lại là các tạp chất khác.

6. HỆ THỐNG PCCC

Trên địa bàn huyện có Đội cảnh sát PCCC&CNCH huyện Triệu Phong, công tác PCCC&CNCH trên địa bàn được quan tâm và cơ bản được đảm bảo.

Công tác PCCCR: huyện Triệu Phong có hơn 15.000 ha rừng, trong đó rừng tự nhiên 1.039,23 ha, rừng trồng 13.970,36 ha, chủ yếu ở 2 xã Triệu Ái, Triệu Thượng và một số diện tích thuộc các xã vùng cát ven biển.

Để tăng cường công tác PCCCR, BCĐ PTLN bền vững huyện Triệu Phong đã xây dựng kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng cũng như chỉ đạo các chủ rừng nhà nước xây dựng 5 phương án PCCCR. Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm huyện rà soát diện tích chữa cháy rừng bằng phương tiện cơ giới, đồng thời rà soát công trình phục vụ PCCCR như đường ranh cản lửa, điểm tiếp nước, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng và bố trí lực lượng kiểm lâm tăng cường về cơ sở; thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ, PCCCR tại các chủ rừng cũng như chỉ đạo tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương để kiểm tra công tác PCCCR và đấu tranh ngăn chặn hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

Đẩy mạnh tuyên truyền về bảo vệ, PCCCR như thông tin cấp dự báo cháy trên hệ thống phát thanh huyện, xã, thôn trong thời gian cao điểm nắng nóng dự báo cháy cấp IV, cấp V; thành viên BCĐ PTLN bền vững huyện tổ chức kiểm tra các xã có rừng để đôn đốc thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng, UBND các xã có rừng kiện toàn BCĐ PTLN bền vững cấp xã và xây dựng 6 phương án, 1 kế hoạch PCCCR.

Các chủ rừng gồm Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9, Ban Quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn, Trại giam Nghĩa An, Bộ CHQS tỉnh tổ chức lực lượng tại chỗ sẵn sàng triển khai chữa cháy rừng, đặc biệt vào những ngày nắng nóng cao điểm kéo dài.



Thực tập phương án chữa cháy rừng

THÔNG TIN VỀ ĐẦU TƯ

I. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (2025 - 2030)

1. Định hướng đầu tư phát triển

1.1. Phát triển vùng huyện Triệu Phong theo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050:

- Tính chất: Huyện trọng điểm về công nghiệp, du lịch sinh thái của tỉnh; là không gian kết nối hiệu quả giữa thành phố Đông Hà và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đông Nam của tỉnh; Là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng khu vực phía Đông Nam tỉnh Quảng Trị

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển du lịch, dịch vụ, năng lượng, công nghiệp sạch, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng đan xen sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển đô thị về phía Tây Quốc lộ 1, bổ sung dải đô thị du lịch ven biển nằm phía Đông. Phục hồi hệ sinh thái vùng cát, phát triển dịch vụ môi trường rừng; Là khu vực vùng kinh tế tổng hợp nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch; ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp đa ngành, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

1.2. Quan điểm phát triển

- Tiếp tục phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, ổn định, bền vững để tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời lấy Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX làm căn cứ để định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021-2030.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, ứng dụng tối đa các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong mọi hoạt động kinh tế xã hội.

- Tận dụng tối đa các cơ hội thuận lợi



Sơ đồ định hướng phát triển không gian vùng liên huyện Triệu Phong - TX. Quảng Trị - Hải Lăng

cho phát triển kinh tế xã hội. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với xoá đói giảm nghèo, cải thiện chất lượng đời sống nhân dân và phát triển văn hoá xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

- Phát triển kinh tế gắn với việc bảo vệ và cải thiện môi trường, đảm bảo cho phát triển bền vững.

- Giữ vững ổn định an ninh chính trị, an ninh nông thôn, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; Kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế xã hội; Thực hiện đoàn kết toàn dân giữa các dân tộc trên địa bàn.

2. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

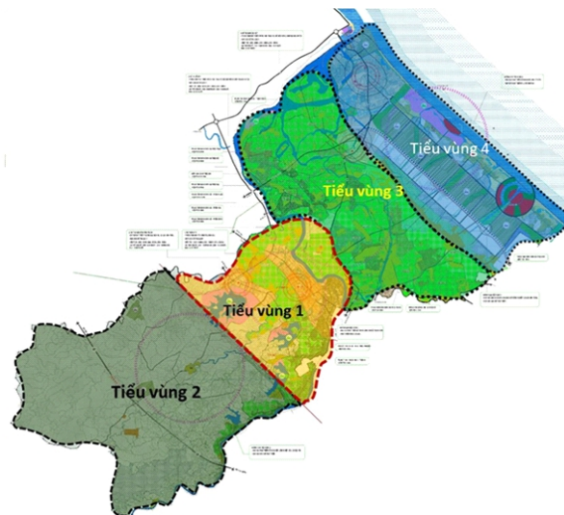
2.1. Phân vùng phát triển không gian vùng

Trên cơ sở Quy hoạch vùng tỉnh, Định hướng tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng huyện Triệu Phong trong giai đoạn tới; đặc điểm tự nhiên, địa hình, địa thế, tài nguyên thiên nhiên và các cơ sở về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt các hành lang kinh tế đô thị, vùng huyện Triệu Phong được phân thành 4 tiểu vùng phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

2.1.1. Tiểu vùng 1: Tiểu vùng trung tâm

a. Vị trí, quy mô, định hướng phát triển:

- Vị trí: Nằm khu vực trung tâm huyện Triệu Phong, dọc hai bên Quốc lộ 1, tuyến tránh QL1, đường Hùng Vương nối dài, đường tỉnh 579, bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thị



Sơ đồ Phân vùng phát triển kinh tế



Sơ đồ Tiểu vùng 1

trấn Ái Tử và một phần các xã Triệu Giang, Triệu Ái, Triệu Thượng. Triệu Long

- Diện tích: khoảng 30 - 40 km², chiếm 10% tổng diện tích toàn Huyện.

- Định hướng phát triển: Tập trung phát triển kinh tế dọc hai bên Quốc lộ 1, tuyến tránh Quốc lộ 1, đường Hùng Vương nối dài, đường tỉnh 579, là vùng phát triển trọng điểm về đô thị, thương mại - dịch vụ, du lịch.

b. Tiềm năng thế mạnh của tiểu vùng

Vị trí địa lý kinh tế: là khu vực tiếp giáp với thành phố Đông Hà về phía Bắc và Thị xã Quảng Trị về phía Nam, có trục quốc lộ 1 đây là hành lang kinh tế động lực của vùng.

Tiểu Vùng có sự liên kết trực tiếp về phát triển kinh tế, về phát triển không gian, về giao thông với các đô thị như: Đông Hà, thị xã Quảng Trị và các trung tâm tiểu vùng khác thuộc huyện.

Trung tâm của tiểu vùng là thị trấn Ái Tử kết hợp với Khu đô thị Nam Sông Vĩnh Phước gắn với trục kinh tế động lực quốc gia là quốc lộ 1, tuyến đường Hùng Vương nối dài, tuyến ĐT.579.

Tiềm năng quỹ đất thuận lợi cho việc phát triển dân cư và công trình HTKT.

c. Động lực phát triển

- Phát triển thương mại dịch vụ: đây là khu vực phát triển năng động nhất của huyện Triệu Phong, trong đó đặc biệt là phát triển thương mại dịch vụ. Hình thành trục thương mại dịch vụ trên tuyến quốc lộ 1, phát triển dựa trên thị trấn thị trấn Ái Tử cùng với Khu đô thị Nam Sông Vĩnh Phước. Đồng thời là trung tâm dịch vụ du lịch của vùng trên cơ sở khai thác giá trị các hồ cảnh quan đẹp như Hồ Ái Tử, Hồ Triệu Thượng và khai thác các địa điểm du lịch nhân văn khác trên địa bàn.

- Phát triển khu - cụm công nghiệp: Duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả Cụm công nghiệp Ái Tử và Cụm công nghiệp Đông Ái Tử, sản xuất, chế biến gắn với phát triển vùng nguyên liệu của huyện; không định hướng phát triển mở rộng các Cụm công nghiệp.

- Phát triển đầu mối giao thông đường bộ: Quốc lộ 1 và hệ thống bến xe, trạm dừng chân,...

2.1.2. Tiểu vùng 2: Tiểu vùng kinh tế phía Tây

a. Vị trí, quy mô, định hướng phát triển:

- Vị trí: Nằm khu vực phía Tây huyện Triệu Phong, bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính còn lại của các xã Triệu Ái, Triệu Thượng.

- Diện tích: khoảng 130 - 150 km², chiếm 40 - 45% tổng diện tích toàn Huyện.

- Định hướng phát triển: Là vùng phát triển và bảo vệ rừng, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; ưu tiên và khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ có yêu cầu quỹ đất lớn.

b. Tiềm năng thế mạnh của tiểu vùng

Vị trí địa lý kinh tế: là khu vực tiếp giáp với huyện Cam Lộ và ĐaKrông, có tuyến cao tốc Cam Lộ - La Sơn, tuyến ĐT.579 đây là hành lang kinh tế động lực của vùng, có quỹ đất lâm nghiệp lớn.

Tiểu vùng có sự liên kết trực tiếp về phát triển kinh tế, về phát triển không gian, về giao thông với các đô thị như: TP Đông Hà, thị trấn Cam Lộ, Đô thị Cửa (Cam Lộ), và các trung tâm tiểu vùng khác thuộc huyện.

c. Động lực phát triển

- Vùng sinh thái lâm nghiệp, nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: Hình thành các vùng chuyên canh cây nông nghiệp với các loại cây trồng chủ lực: cây ăn quả, cây công nghiệp,... Khai thác mô hình chăn nuôi trang trại chăn nuôi tập trung. Trồng rừng nguyên liệu, rừng gỗ lớn theo chứng chỉ FSC, VFCS..

- Ưu tiên và khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ có yêu cầu quỹ đất lớn dọc các tuyến Đông - Tây, nhưng cần đảm bảo đất công nghiệp không nằm trong vùng lưu vực của các hồ.

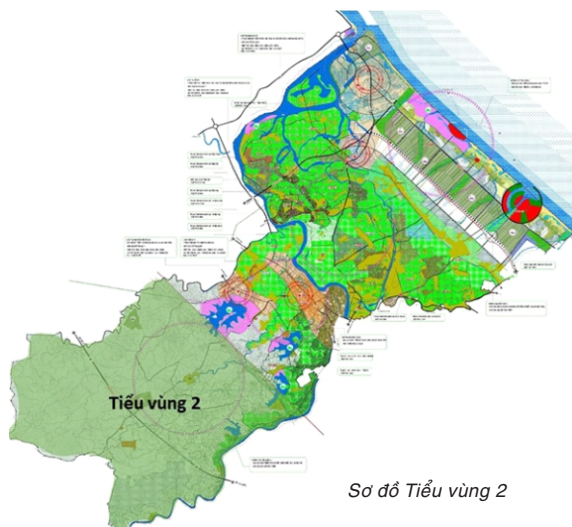
- Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong.

- Bổ sung khu hỗn hợp công nghiệp - dịch vụ và dân cư/đô thị,... dọc theo cao tốc và đường tỉnh 579 với quy mô khoảng 500 - 550ha.

2.1.3. Tiểu vùng 3: Tiểu vùng kinh tế nông nghiệp trung tâm

a. Vị trí, quy mô, định hướng phát triển:

- Vị trí: Nằm khu vực phía đông sông Thạch Hãn, tiếp giáp tiểu vùng trung tâm về phía Tây Nam, bao gồm ranh giới hành chính các xã Triệu Thành, Triệu Long, Triệu Thuận, Triệu Đại, Triệu Độ, Triệu Hòa, Triệu Tài, Triệu Trung, một phần xã Triệu Trạch,



Triệu Phước, Triệu Giang, Triệu Sơn.

- Diện tích: khoảng 100 - 120 km², chiếm 28 - 33% tổng diện tích toàn huyện.

- Định hướng phát triển: Là vùng dân cư, dịch vụ sản xuất nông nghiệp, là khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cây hằng năm như: lúa, màu, nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản quy mô lớn và dịch vụ du lịch; Là vùng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao; phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái vùng trũng và du lịch khai thác cảnh quan nông nghiệp.

b. Tiềm năng thế mạnh của vùng

Vị trí địa lý kinh tế: có tuyến Quốc lộ 49C chạy qua. Đây là trục hành lang kinh tế động lực của cửa vùng. Phía Bắc giáp khu vực động lực phát triển nhất của tỉnh Quảng Trị với Khu kinh tế Đông Nam, Phía Nam tiếp giáp với tiểu vùng trung tâm, đây là các điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tiểu vùng.

Tiểu Vùng có sự liên kết trực tiếp về phát triển kinh tế, về phát triển không gian, về giao thông với các đô thị như: thị trấn Ái Tử, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị,...

Trung tâm của tiểu vùng là Khu vực đô thị Nam Cửa Việt và các cụm trung tâm xã trên địa bàn.

Tiềm năng quỹ đất lớn, thích hợp cho việc phát triển cây hằng năm như lúa, màu và nuôi trồng thủy sản.

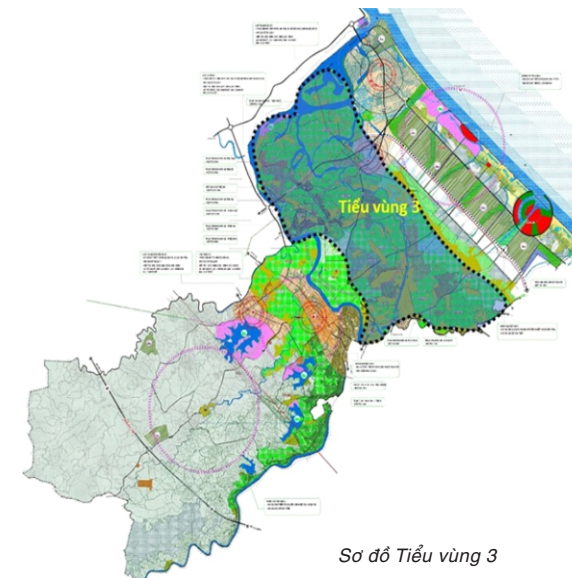
c. Động lực phát triển

- Vùng sản xuất và dịch vụ nông nghiệp, phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao: Hình thành các vùng chuyên canh cây nông nghiệp với các loại cây trồng chủ lực: lúa, màu,...

- Khai thác và phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, mô hình chăn nuôi trang trại chăn nuôi tập trung.

- Phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm,...



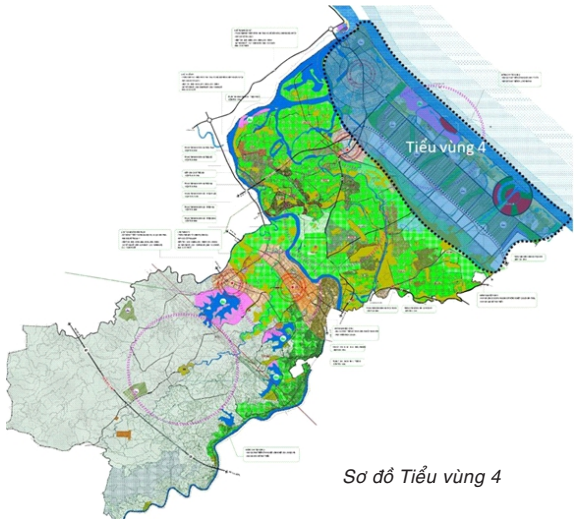
2.1.4. Tiểu Vùng 4: Tiểu vùng kinh tế ven biển

a. Vị trí, quy mô, Định hướng phát triển:

- Vị trí: Nằm khu vực vùng cồn cát ven biển, bao gồm ranh giới hành chính các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, một phần xã Triệu Sơn, Triệu Trạch, Triệu Phước.

- Diện tích: khoảng 60 - 70 km², chiếm 17 - 20% tổng diện tích toàn huyện.

- Định hướng phát triển: Thực hiện các dự án động lực quan trọng theo định hướng phát triển Khu kinh tế Đông Nam; xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ theo hướng hiện đại, kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo an toàn môi trường.



b. Tiềm năng thế mạnh của vùng

Vị trí địa lý kinh tế: có tuyến QI 49C, tuyến đường Hành lang kinh tế ven biển. Đây là trục hành lang kinh tế động lực của cửa vùng. Với Khu kinh tế Đông Nam là trọng điểm phát triển kinh tế của tỉnh, đây là các điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tiểu vùng.

Tiểu Vùng có sự liên kết trực tiếp về phát triển kinh tế, về phát triển không gian, về giao thông với các đô thị như: Nam Cửa Việt, thị trấn Cửa Việt, Mỹ Thủy...

Trung tâm của tiểu vùng là Khu vực đô thị Nam Cửa Việt và đô thị hành chính Khu Kinh tế Đông Nam.

c. Động lực phát triển

- Phát triển thương mại dịch vụ và du lịch: Phát triển thương mại dịch vụ với hạt nhân là đô thị khu vực Nam



Cửa Việt, khai thác dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển xã Triệu Vân, biển Nhật Tân (Triệu Lăng).

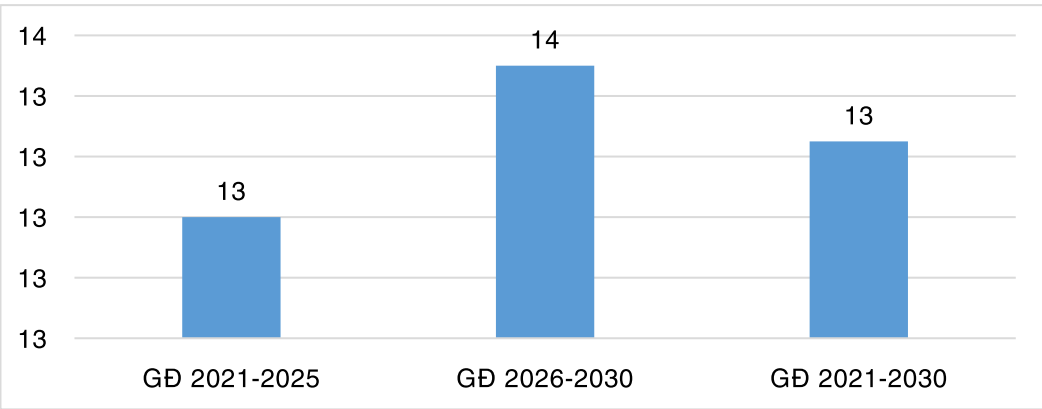
- Phát triển khu công nghiệp: Tiếp tục đầu tư, thu hút kêu gọi đầu tư và phát triển mở rộng Khu công nghiệp đa ngành, công nghiệp sinh thái,... Phát triển công nghiệp dịch vụ hậu cần nghề cá,...

- Phát triển các khu đô thị mới, khu nghiên cứu đào tạo,...

- Khai thác và đánh bắt hải sản

3. Dự báo tăng trưởng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030:

3.1. Tốc độ tăng trưởng: GTSX bình quân năm trong giai đoạn 2021 - 2030 (giá so sánh) đạt 13 - 14%.



Ngành kinh tế	2021 - 2025 (%)	2026 - 2030 (%)
Nông lâm thủy sản	4 – 4,5	4 – 4,5
Công nghiệp và xây dựng	16 - 17	16 - 17
Thương mại - dịch vụ	15 - 16	15 - 16

Dự báo tốc độ tăng trưởng GTSX (%)

3.2. Cơ cấu kinh tế: Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện Triệu Phong (lần thứ XX), giai đoạn 2021 - 2030 cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng GTSX ngành công nghiệp và ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp.

Ngành kinh tế	2025 (%)	2030 (%)	2040 (%)
Nông lâm thủy sản	16 - 17	13 - 14	10 - 12
Công nghiệp và xây dựng	41 - 42	42 - 43	43 - 44
Thương mại - dịch vụ	42 - 43	43 - 45	45 - 47

Bảng dự báo tỷ trọng các ngành kinh tế

3.3. Chất lượng tăng trưởng kinh tế:

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt khoảng 80 - 85 triệu đồng/người/năm, đến năm 2030 đạt trên 100 triệu đồng/người/năm.
- Tổng đầu tư toàn xã hội giai đoạn đến năm 2025 trên 11.680 tỷ đồng, giai đoạn 2025 - 2030 tăng khoảng 15%.

3.4. Dự báo phát triển dân số, Lao động

Các đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội mang lại tốc độ tăng dân số trung bình của huyện sẽ cao hơn hẳn giai đoạn 10 năm vừa qua, cụ thể dự báo tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2020 - 2030 là 1,26%/năm; giai đoạn 2030 - 2040 là 1,76%/năm; giai đoạn 2040 - 2050 là 2,15%/năm.

Các hoạt động công nghiệp, du lịch phát triển trên cơ sở những định hướng mới về

Stt	Chỉ tiêu	Hiện trạng	Dự báo			
		2021	2030	2040	2050	
	Tổng quy mô dân số (người)	90.531	133.200	166.600	202.900	
A	Dân số chính thức (người)	90.531	99.906	126.530	168.967	
	- Tỷ lệ tăng dân số trung bình (%/năm)	-0,61	1,26	1,76	2,15	
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (%)	0,85	0,90	0,90	0,80	
	- Tỷ lệ tăng dân số cơ học (%/năm)	-1,46	0,36	0,86	1,35	
B	Dân số khác (dân số quy đổi từ khách du lịch, khách vắng lai, lao động tạm trú dưới 6 tháng,...- khoảng 20 – 34% dân số chính thức) (người)		33.294	40.070	33.932	

Bảng tính toán quy mô dân số đến năm 2050

không gian, tạo ra sức hút nhất định đối với lao động. Dự báo ngành du lịch sẽ cần khoảng 7.200 lao động; các khu công nghiệp sẽ cần khoảng 32.000 lao động. Như vậy, thành phần dân số khác như khách du lịch, khách vắng lai, lao động,... phục vụ cho các hoạt động công nghiệp, du lịch, v.v,... chiếm khoảng 20 - 34% dân số chính thức. Quy mô dân số của huyện (bao gồm dân số quy đổi).

Lao động: Dự kiến nguồn lao động các giai đoạn 2030, 2040, 2050 chiếm hơn 65% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%.

* Dân số đô thị:

Dân số đô thị có khuynh hướng tăng nhanh giai đoạn 2021 - 2030 sau khi mở rộng quy mô thị trấn Ái Tử (cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025), đô thị Nam Cửa Việt trở thành đô thị loại V vào năm 2030 và loại IV vào năm 2050.

	Năm	2030	2040	2050	Ghi chú
	Dân số toàn huyện	133.200	166.600	202.900	Bao gồm dân số quy đổi
I	Dân số đô thị	42.500	58.000	86.100	
1	Thị trấn Ái Tử	17.000	20.000	23.100	Bao gồm dân số quy đổi
2	Đô thị Nam Cửa Việt	25.500	38.000	63.000	Bao gồm dân số quy đổi
II	Dân số nông thôn	90.700	108.600	116.800	

Bảng tổng hợp dự báo quy mô dân số

3.5. Dự báo khả năng đô thị hóa

Xu hướng dịch chuyển dân số từ khu vực nông thôn tới khu vực thành thị ở trong huyện và xu hướng tăng cơ học do sự hình thành của các Khu, Cụm công nghiệp là xu hướng tất yếu của quá trình CNH - HĐH và đô thị hoá. Xu hướng này sẽ quyết định tốc độ và mức độ đô thị hoá của huyện và chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế của huyện.

Quá trình đô thị hoá, huyện Triệu Phong chủ yếu do quá trình chuyển đổi sản xuất từ nông nghiệp sang sản xuất phát triển công nghiệp - dịch vụ, thương mại, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, cơ cấu lao động và đầu tư nông thôn, với xu thế đầu tư và phát triển hiện tại,

Hiện trạng năm 2021 tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 5,21%, dân số đô thị là 4.720 người, dân số nông thôn là 85.811 người.

Dự báo đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa khoảng 25 - 31,9%, dân số đô thị tối đa là

khoảng 42.500 người.

Dự báo đến năm 2040 tỷ lệ đô thị hóa 32 - 35%, dân số đô thị tối đa là khoảng 58.000 người.

Dự báo đến năm 2050 tỷ lệ đô thị hóa 35 - 42,4%, dân số đô thị tối đa là khoảng là 86.100 người.

3.6. Dự báo nhu cầu sử dụng đất

Sử dụng đất đai trên quan điểm bền vững: Đất đai là tài nguyên có hạn, việc sử dụng đất phải vì sự phát triển của con người. Vì thế sử dụng đất đai phải tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, đáp ứng các nhu cầu theo định hướng phát triển kinh tế, xã hội;

Để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của huyện đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá nền kinh tế của huyện được đặt lên vị trí hàng đầu. Vì thế huyện phải dành quỹ đất thích đáng và hợp lý để phát triển khu, cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống, phát triển các đô thị, các thị trấn. Đặc biệt là quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật căn cứ vào điều kiện thực tế, đáp ứng các yêu cầu phát triển lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện;

Phân bổ diện tích đất trồng lúa phù hợp theo từng giai đoạn phát triển, duy trì để đảm bảo an ninh lương thực. Chuyển đổi dần diện tích đất trồng lúa sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn như cây dược liệu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả,...

Khai thác sử dụng đất phải đặc biệt coi trọng mục tiêu phòng thủ, an ninh quốc gia, ưu tiên những địa thế tự nhiên thuận lợi kết hợp kinh tế với quốc phòng;

Khai thác sử dụng đất phải chú ý đến bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường ổn định và bền vững, kết hợp giữa trước mắt và lâu dài, phù hợp với chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước.

Stt	Năm	2030		2040		2050	
1	Dân số đô thị (người)	42.500		58.000		86.100	
2	Quy mô đất xây dựng đô thị (ha)	1.062,5	1.190,0	1.450,0	1.624,0	2.152,5	2.410,8

Bảng dự báo nhu cầu đất phát triển đô thị

4. Định hướng phát triển các ngành kinh tế

4.1. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

a. Định hướng một số loại cây trồng chủ lực và vùng sản xuất

- Vùng cây lúa tập trung: Ổn định diện tích gieo trồng lúa của huyện đến năm 2030 là 11.000 ha. Trong đó lúa chất lượng cao chiếm tỷ lệ gần 90% diện tích trồng lúa. Phát triển cây lúa tập trung, cánh đồng lớn tại 14 xã trên địa bàn huyện với diện tích 4.600 ha, trồng lúa 2 vụ/năm.

- Vùng sản xuất lúa hữu cơ, lúa canh tác tự nhiên ở các xã: Triệu Sơn, Triệu Trạch, Triệu Thuận, Triệu Trung, Triệu Tài, Triệu Đại, Triệu Phước.... với diện tích 100 ha vào năm 2025 và 500 ha năm 2030.

- Phát triển vùng sản xuất dưa hấu tập trung: HTX Long Quang xã Triệu Trạch diện tích 12 ha;

- Vùng cây công nghiệp lâu năm: Cây cao su: Ổn định diện tích cây cao su hiện có từ 450-600 ha; Cây Hồ tiêu: Đến năm 2030 diện tích hồ tiêu của huyện ổn định diện tích là 40 ha, không mở rộng diện tích trồng mới;

- Vùng trồng cây ăn quả: Quy hoạch phát triển diện tích tập trung ở các xã có điều kiện thuận lợi về đất đai: tại xã Triệu Sơn 5 ha, Triệu Trạch 5 ha trồng cây có múi.

- Vùng nông nghiệp công nghệ cao:

+ Vùng lúa công nghệ cao các xã Triệu Phước, Triệu Hòa, Triệu Đại, Triệu Tài, Triệu Trạch giai đoạn 2026-2030 với quy mô 500 ha;

+ Phát triển vùng rau, quả công nghệ cao tại các xã Triệu Sơn (Vùng Thượng mua thôn Đồng Văn, Vùng Bãi Cháy thôn Linh Chiểu) với diện tích 10 ha; xã Triệu Thuận (vùng Soi cát, Bãi rào thôn Dương Văn Lộc) với diện tích 1 ha;

+ Phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao tổng hợp tại thôn Long Quang xã Triệu Trạch với diện tích 12 ha; tại HTX Đại Hào, Quảng Điền A xã Triệu Đại với quy mô 5 ha;

b. Định hướng phát triển ngành chăn nuôi

Phát triển các khu chăn nuôi tập trung, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao quy mô liên huyện, liên xã cung ứng cho các thị trường trong, ngoài tỉnh, nhất là các trung tâm đô thị, trung tâm du lịch, khu vực tập trung dân cư và Thành phố Huế.

Đẩy mạnh khôi phục phát triển đàn lợn, chú trọng chương trình cải tạo đàn bò, khuyến khích mở rộng việc chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại ứng dụng khoa học công nghệ và chăn nuôi theo hướng hữu cơ, tạo sản phẩm an toàn phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Định hướng quy mô: Phát triển đàn bò đạt 10 nghìn con năm 2025 và 12 nghìn con năm 2030, Tỷ lệ đàn bò Zebu chiếm 80%; Phát triển đàn gia cầm khoảng 1 triệu con năm 2030.

Vùng chăn nuôi tập trung tại khu vực:

- + Nuôi bò, lợn tại các xã vùng đồi: Triệu Thượng, Triệu Tài, Triệu Trạch;
- + Gia cầm vùng bằng: Triệu Thuận, Triệu Đại, Triệu Sơn, Triệu Hòa, Triệu Giang.

c. Đẩy mạnh chăn nuôi và khai thác, đánh bắt thủy sản:

+ Phát triển thủy sản với quy mô hợp lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả các sản phẩm có lợi thế gắn với chế biến phục vụ xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả và năng lực nuôi trồng thủy sản theo công nghệ sinh học và công nghệ sạch để bảo vệ môi trường nước

+ Cải tiến nuôi trồng thủy sản phù hợp với đặc tính vùng nước và thân thiện với môi trường với phương châm "Liên kết nhà nông và doanh nghiệp có sự hỗ trợ của Nhà nước". Nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng vật nuôi và tập trung vào nuôi tôm thẻ chân trắng để đáp ứng nhu cầu thực phẩm và xuất khẩu.

+ Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, mở rộng diện tích nuôi trồng từ 895,9 ha năm 2020 lên 981 ha năm 2030. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng nuôi tập trung nhất là hệ thống thủy lợi, từng bước áp dụng quy trình nuôi thâm canh, bán thâm canh, thực hành nuôi tốt, đảm bảo an toàn dịch bệnh và môi trường. Sản lượng nuôi trồng đến năm 2030 ước đạt 5.213 tấn và đến năm 2050 ước đạt 9.146 tấn.

+ Chuyển đổi và hình thành các vùng nuôi tôm tập trung tại các xã: Triệu Sơn Lãng (133 ha), Triệu Trạch Vân (161 ha), Triệu An (126 ha), Triệu Độ (49,5 ha), Triệu Phước (221,6 ha).

d. Định hướng phát triển ngành lâm nghiệp

Định hướng về quy mô: Phát triển mạnh việc trồng mới rừng và phục hồi tái sinh rừng đầu nguồn; khai thác bền vững rừng sản SX.

Chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn và chuyển hóa rừng từ gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn, phát triển rừng có chứng chỉ FSC để từng bước nâng cao giá trị của rừng, gắn bảo vệ và phát triển rừng theo hướng bền vững.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2030 đạt trên 40%.

- Đến năm 2030 huyện Triệu Phong chuyển 3.382,0 ha từ đất chưa có rừng là đất khác trong lâm nghiệp sang đất ngoài lâm nghiệp. Trong đó giảm từ đất khác chưa có rừng phòng hộ là 2.140,20 ha, chưa có rừng sản xuất là 1.133,6 ha, đất có rừng ngoài 3

loại rừng là 108,2 ha.

4.2. Công nghiệp-TTCN

Tiếp tục phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng sản phẩm; khai thác tối đa năng lực sản xuất và tiềm năng, thế mạnh của huyện. Khuyến khích đầu tư, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất và kinh doanh, đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng và bảo vệ môi trường; tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ, thúc đẩy hình thành, phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã và các tổ hợp tác phát triển. Kịp thời, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư, nhất là các dự án lớn có sức lan tỏa rộng, phấn đấu hàng năm thành lập mới trên 50 cơ sở hoạt động công nghiệp.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp luôn giữ cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của ngành công nghiệp-xây dựng, cụ thể: giai đoạn 2021-2030 là 16,7%/năm trong đó giai đoạn 2021-2025 là 16,5%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 17,0%/năm. Tỷ trọng CN so với GTSX toàn nền kinh tế huyện đến năm 2025, 2030 lần lượt là 41,5%/năm và 44,5%/năm.

Trong nội ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến sẽ luôn là phân ngành có tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng cao nhất, cụ thể: giai đoạn 2021-2030 đạt 18,75%/năm (giai đoạn 2021-2025 là 19,77%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 17,74%/năm); tỷ trọng đến năm 2025, 2030 lần lượt là 85,22% và 87,27%.

Một số ngành công nghiệp chủ yếu:

+ Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên cơ sở khai thác, phát huy các ngành có lợi thế như: công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp phụ trợ, dệt may, chế biến gỗ và sản phẩm tiêu dùng từ gỗ, công nghiệp silicat,... Nâng cao khả năng cạnh tranh các sản phẩm chủ yếu. Phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, khai thác, chế biến, tiêu thụ, tạo thương hiệu sản phẩm, tạo cơ hội phát triển, nhân rộng vùng nguyên liệu cho từng sản phẩm tại các xã, thị trấn.

+ Phát triển các ngành sản xuất, lắp ráp đồ gia dụng, máy móc, thiết bị nông nghiệp, sửa chữa cơ khí nhỏ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển Công nghiệp - TTCN, trên địa bàn huyện. Hỗ trợ xây dựng, bảo hộ và phát triển nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa đặc

trung của địa phương, các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

Tăng cường đầu tư để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Tập trung xây dựng các mô hình sản xuất mới tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Chú trọng đưa công nghệ mới vào trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực, hiệu quả sản xuất.

Tiếp tục phát triển Công nghiệp-TTCN, ngành nghề ở nông thôn gắn với quy hoạch chung xây dựng NTM. Từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng Điểm Công nghiệp - Làng nghề chế biến mắm, ruốc xã Triệu Lăng; Điểm công nghiệp - làng nghề sản xuất bún Thượng Trạch, Linh Chiểu. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cơ sở sản xuất Công nghiệp - TTCN, ngành nghề truyền thống.

Định hướng phát triển cụm công nghiệp

- Cụm công nghiệp Ái Tử: giữ nguyên diện tích CCN với 15 ha; các ngành công nghiệp chính: Vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, mộc mỹ nghệ, mộc dân dụng ...

- Cụm Công nghiệp Đông Ái Tử: giữ nguyên diện tích CCN với 34,64 ha; thu hút các ngành nghề ít gây ô nhiễm môi trường, các ngành công nghiệp chính: Vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, may mặc, lắp ráp linh kiện điện tử... giai đoạn từ năm 2040 - 2050 nghiên cứu di dời ra khỏi trung tâm đô thị. Vị trí di dời về phía Tây huyện (Cụm CN Tây Triệu Phong).

- Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong: Xây dựng CCN Tây Triệu Phong với diện tích 70ha; các ngành công nghiệp chính: Chế biến mủ cao su, chế biến nông sản, sản xuất, chế biến lâm sản; cơ khí, tuyển tách quặng sắt để làm phụ gia cho sản xuất xi măng; chế biến nguyên liệu dùng cho công nghiệp hóa mỹ phẩm; sản xuất phân vi sinh; khu tổng hợp và công nghiệp phụ trợ khác

- Đề xuất bổ sung tổ hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ có tổng quy mô khoảng 1.800 ha ở khu vực phía Tây huyện, dọc theo cao tốc Bắc - Nam và khu vực KKT Đông Nam Quảng Trị. Gồm: Khu hỗn hợp số 3 thuộc KKT Đông Nam Quảng Trị, tiếp cận với tuyến ĐT 583; Khu hỗn hợp số 4 nằm dọc cao tốc; Khu hỗn hợp số 5 tiếp giáp với cao tốc và tuyến ĐT 579.

4.3. Ngành Thương mại, dịch vụ và du lịch

4.3.1. Thương mại - dịch vụ:

Phát triển mạng lưới kinh doanh thương mại ở trung tâm thị trấn Ái Tử và chợ ở các xã; khuyến khích hoạt động thương mại phát triển, cạnh tranh bình đẳng, đồng thời tăng cường vai trò quản lý Nhà nước trong lưu thông hàng hóa, góp phần bình ổn giá cả thị trường, chống đầu cơ buôn lậu, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các dịch vụ, nhất là dịch vụ trực tiếp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn như: Sản xuất và sửa chữa cơ khí, khuyến nông, khuyến lâm; chuyển giao công nghệ về giống cây trồng vật nuôi, phương thức canh tác, cung ứng vật tư nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển chợ: Trong giai đoạn 2021-2025, tiến hành cải tạo, nâng cấp, mở rộng 06 chợ dân sinh trong đó có 01 chợ hạng II và 05 chợ hạng III tại thị trấn Ái Tử, Xã Triệu Sơn, xã Triệu Phước, xã Triệu Thành, xã Triệu Tài và xã Triệu Lăng. Xây mới 4 chợ hạng III tại các xã Triệu Thuận, xã Triệu Độ, xã Triệu Trạch và xã Triệu Vân. Giai đoạn 2006-2030, xây mới 01 chợ hạng III, nâng tổng số chợ trên địa bàn huyện lên 15 chợ.

- Phát triển trung tâm thương mại: Trong giai đoạn 2021-2025, xây mới 01 trung tâm thương mại Khu kinh tế Đông Nam với diện tích khoảng 1 ha.

- Phát triển cửa hàng xăng dầu: Trong giai đoạn 2021-2025, xây mới 1 cửa hàng xăng dầu và thương mại dịch vụ Triệu Tài tại Triệu Tài, huyện Triệu Phong với diện tích khoảng 0,3 ha và giai đoạn 2026-2030 xây mới 1 cửa hàng xăng dầu Hải Hà Quảng Trị số 03 tại thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong với diện tích khoảng 0,09 ha.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Định hướng giai đoạn	
			2021-2025	2026-2030
Tổng số lượng chợ	Chợ	10	14	15
Tổng số lượng trung tâm thương mại	Trung tâm	0	1	1
Tổng số cửa hàng xăng dầu	Cửa hàng	16	17	18

*Định hướng phát triển hạ tầng thương mại huyện Triệu Phong
giai đoạn 2021-2030*

4.3.2. Về Bưu chính - Viễn thông, vận tải:

Tạo điều kiện, khuyến khích đầu tư cải tiến các dịch vụ bưu chính, viễn thông, đổi mới chính sách, tạo động lực để các doanh nghiệp phấn đấu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; quản lý tốt các hoạt động dịch vụ kinh doanh điện tử, Internet trên địa bàn huyện.

Khuyến khích nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đầu tư xây dựng bến xe huyện;

triển khai hoàn thành các dự án giao thông đảm bảo được mạng lưới giao thông thông suốt, thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân khi tham gia giao thông, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông và trật tự đô thị.

4.3.3. Du lịch:

Tranh thủ mọi nguồn lực để tập trung phát triển du lịch như: Nguồn vốn, nguồn nhân lực..., thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển du lịch; xây dựng hoàn thiện, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển du lịch có tính chiến lược lâu dài, phát triển du lịch của huyện từng bước ngang tầm với điều kiện, tiềm năng sẵn có, tạo điều kiện để phát triển du lịch thành ngành mũi nhọn của huyện vào năm 2025; tăng cường công tác giáo dục, truyền thông nâng cao ý thức của cộng đồng về bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, ứng xử thân thiện, văn hóa; phát động phong trào “Mỗi người dân là một hướng dẫn viên du lịch”...

Dự báo lượng khách du lịch:

Đến năm 2025, đón 40.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế 4.000 lượt, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2019-2025 đạt 1,63%/năm.

Đến năm 2030, đón 60.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế 9.000 lượt, tốc độ tăng trưởng 2025-2030 đạt 8,45%/năm.

Đến năm 2050, đón 230.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế 69.000 lượt, tốc độ tăng trưởng 2030-2050 đạt 6,95%/năm.

Thị trường khách quốc tế:

Ưu tiên phát triển thị trường mục tiêu có nguồn khách lớn chiếm tỷ trọng cao là các nước Đông Nam Á, trong đó thị trường trọng điểm chủ yếu là Thái Lan, Lào và các nước trên Hành lang kinh tế Đông Tây.

Phát triển thị trường truyền thống Tây Âu và Bắc Mỹ. Chú trọng liên kết hợp tác để tổ chức nguồn khách đến Quảng Trị từ Hội An, Đà Nẵng, Huế, Quảng Bình.

Khai thác thị trường tiềm năng, có mức chi tiêu cao đối với nhóm thị trường Nga và các nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc).

Thị trường khách nội địa:

Tập trung khai thác thị trường mục tiêu là các tỉnh Bắc Trung bộ, Bắc bộ, Đà Nẵng, Quảng Nam, trong đó trọng điểm là Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Đồng bằng Sông Hồng.

Khai thác thị trường tiềm năng là các tỉnh Trung Trung bộ, Nam Trung bộ, TP Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam bộ và các tỉnh Đông Bắc bộ, Tây Bắc bộ.

Về tổ chức không gian du lịch

Các khu, điểm du lịch trọng điểm:

Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Ái Tử: Quy mô 230 ha. Chú trọng phát triển cơ sở vật chất và dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven hồ, vui chơi giải trí thể thao mặt nước gắn với bất động sản đô thị du lịch.

Khu du lịch - dịch vụ Triệu Vân: Quy mô khoảng 250 ha.

Các điểm du lịch khác:

Tổ đình Sắc tứ Tịnh Quang;

Khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn;

Làng nghề truyền thống: Nem chợ Sãi, bánh giầy Đạo Đầu, bún Linh Chiểu, nón lá Bồ Liêu, nước mắm Gia Đăng, bánh kẹo Hậu Kiên, ...

Sản phẩm du lịch:

Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch chính của huyện:

Du lịch nghỉ dưỡng biển: Gắn với điểm du lịch Triệu Vân, Triệu Lăng; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, công vụ phục vụ Khu kinh tế Đông Nam và kết hợp với du lịch cộng đồng.

Du lịch văn hóa - tâm linh: Phát triển hiệu quả loại hình du lịch văn hoá - tâm linh tín ngưỡng, tôn giáo Tổ đình Sắc Tứ Tịnh Quang, Hệ thống di tích lịch sử văn hoá Chúa Tiên Nguyễn Hoàng và các di tích tôn giáo tiêu biểu, “du lịch về nguồn”, “du lịch động đội và chiến trường xưa” gắn với các di tích lịch sử cách mạng... trở thành một trong những sản phẩm du lịch chủ đạo của tỉnh Quảng Trị.

Du lịch trải nghiệm sinh thái sông Thạch Hãn: Hình thành công viên ven sông với những tuyến đường xe đạp và đi bộ, không gian vui chơi giải trí gắn với tuyến phố cung cấp dịch vụ mua sắm. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trên sông trong những ngày thường như đi thuyền trên sông, câu cá, các hoạt động về đêm trên sông,...

Du lịch vui chơi giải trí: Tổ chức các hoạt động dịch vụ như thể thao biển, thể thao cát, lướt ván, chèo thuyền....Đối tượng phục vụ khách cuối tuần, phổ thông, đặc biệt là Khu kinh tế Đông Nam.

Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: hồ Ái Tử, phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven hồ, vui chơi giải trí thể thao mặt nước.

Du lịch lễ hội: Các lễ hội lớn như lễ hội Chợ đình Bích La, Bài chòi, Cầu ngư, Kỳ yên,...

Du lịch làng nghề: Nem chợ Sãi, bánh dày Đạo Đầu, bún Linh Chiểu, nón lá Bồ Liêu, nước mắm Gia Đăng, bánh kẹo Hậu Kiên, ...

5. Chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn

(Nghị quyết số 56/2023/NQ-HDND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

5.1. Chính sách hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án (Điều 5)

5.1.1. Điều kiện áp dụng: Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án để xuất hỗ trợ là hạng mục chưa được Nhà nước đầu tư.

5.1.2. Mức hỗ trợ:

a) Về giao thông: Được ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông trong và ngoài hàng rào dự án nhưng tối đa không quá 03 tỷ đồng;

b) Về cấp điện, cấp thoát nước: Ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng trạm biến áp, đường điện, cấp thoát nước nhưng không quá 02 tỷ đồng cho tất cả các hạng mục trên.

5.1.3. Thời điểm hỗ trợ:

+ Sau khi các hạng mục chính của dự án hoàn thành và được nghiệm thu, đi vào hoạt động.

+ Riêng đối với dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp, khi hạng mục đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án hoàn thành và nghiệm thu thì được giải ngân vốn 100% mức vốn hỗ trợ.

5.2. Hỗ trợ về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực (Điều 6)

5.2.1 Điều kiện áp dụng:

a) Lao động có hộ khẩu thường trú tại Quảng Trị chưa qua đào tạo hoặc chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng của dự án, cần đào tạo và đào tạo lại;

b) Có hợp đồng lao động và tham gia BHXH, khi có đủ điều kiện sau:

- Người lao động có tên trong danh sách đóng BHXH bắt buộc của đơn vị từ đủ 3 tháng trở lên tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin hỗ trợ;

- Đơn vị sử dụng người lao động đã đóng đủ BHXH cho người lao động đến thời điểm người lao động nộp hồ sơ xin hỗ trợ (có xác nhận của cơ quan BHXH).

c) Dự án đầu tư sử dụng từ 20 lao động thường xuyên trở lên; hoặc từ 10 lao động nữ trở lên; hoặc lao động là người dân tộc thiểu số;

d) Nhà đầu tư phải có hồ sơ đề xuất hỗ trợ gửi đến Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để có căn cứ làm thủ tục hỗ trợ.

5.2.2. Mức hỗ trợ:

Mỗi dự án chỉ được hỗ trợ 01 lần tối đa không quá 100 triệu đồng, mỗi lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo 01 lần trong suốt thời gian làm việc tại dự án sử dụng lao động cùng chuyên ngành đào tạo.

a) Đối với đào tạo nghề trung cấp hoặc lao động sử dụng công nghệ kỹ thuật cao: Hỗ trợ 4.000.000 đồng/01 lao động;

b) Đối với đào tạo nghề trình độ cao đẳng: Hỗ trợ 7.000.000 đồng/01 lao động;

c) Nguồn hỗ trợ được cấp từ nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh và được hỗ trợ thông qua các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; các chương trình, dự án, hoạt động đào tạo nghề của các đơn vị có liên quan.

5.2.3. Thời gian hỗ trợ:

Trong 03 năm đầu kể từ ngày dự án đi vào hoạt động.

5.3. Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước (Điều 7)

5.3.1. Điều kiện áp dụng:

a) Cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện di dời theo Quyết định của cơ quan nhà nước vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật về Đất đai và pháp luật khác có liên quan;

c) Nhà đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ, bao gồm: Quyết định di dời/thu hồi địa điểm sản xuất, kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương); Giấy phép xây dựng của dự án đầu tư tại vị trí mới do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất; Giấy xác nhận của cấp xã về thời gian doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất đã ngừng hoạt động tại vị trí cũ và tổ chức di dời (bản chính).

5.3.2. Mức hỗ trợ:

a) Mỗi cơ sở di dời được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời, lắp đặt thiết bị máy móc và nhà xưởng tối đa không quá 200.000.000 đồng/cơ sở;

b) Các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng di dời, nhưng tự chấm dứt hoạt động sẽ được hỗ trợ một lần để giải quyết những khó khăn sau khi chấm dứt hoạt động. Mức hỗ trợ là 200.000 đồng/m² nhà xưởng tại thời điểm chấm dứt hoạt động, nhưng không quá 100.000.000 đồng/cơ sở.

5.4. Hỗ trợ giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin, tư vấn pháp lý (Điều 8)

5.4.1. Hỗ trợ về giới thiệu sản phẩm:

a) Hỗ trợ miễn phí trong việc quảng cáo, giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp, sản phẩm trên Trang thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị (www.quangtri.gov.vn) và Trang thông tin điện tử của các Sở, ban ngành, địa phương nếu doanh nghiệp có đề nghị;

b) Được xem xét, hỗ trợ giới thiệu thông tin, hình ảnh về doanh nghiệp và sản phẩm trong các ấn phẩm quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của tỉnh.

5.4.2. Hỗ trợ về cung cấp thông tin, tư vấn về thủ tục đầu tư, kinh doanh:

a) Nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được cung cấp miễn phí thông tin về môi trường đầu tư, kinh doanh, quy hoạch ngành, nghề đầu tư, quy hoạch sử dụng đất; tiếp cận quỹ đất khi nghiên cứu, thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

b) Được hỗ trợ, tư vấn miễn phí về thủ tục thành lập doanh nghiệp; hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh, thủ tục về đất đai, thủ tục về xây dựng, thủ tục về môi trường và các thủ tục hành chính khác khi có nhu cầu;

c) Được hỗ trợ tư vấn miễn phí về pháp lý và giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động.

II. THÔNG TIN VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

1. Cụm Công nghiệp Ái Tử

1.1. Quy mô CCN: 15 ha

(Công văn số 3649/UBND-CN của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 29/10/2013 về việc điều chỉnh diện tích Cụm công nghiệp Ái Tử, huyện Triệu Phong. Qua đó, UBND tỉnh đồng ý kết thúc dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn I là 15ha).

1.2. Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ
1	Đất xây dựng nhà công nghiệp	11,6	77,33
2	Đất khu kỹ thuật	3,4	22,67
	Cộng	15	100

1.3. Tình hình lấp đầy, diện tích còn lại kêu gọi đầu tư: đã lấp đầy 100%

1.4. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào CCN:

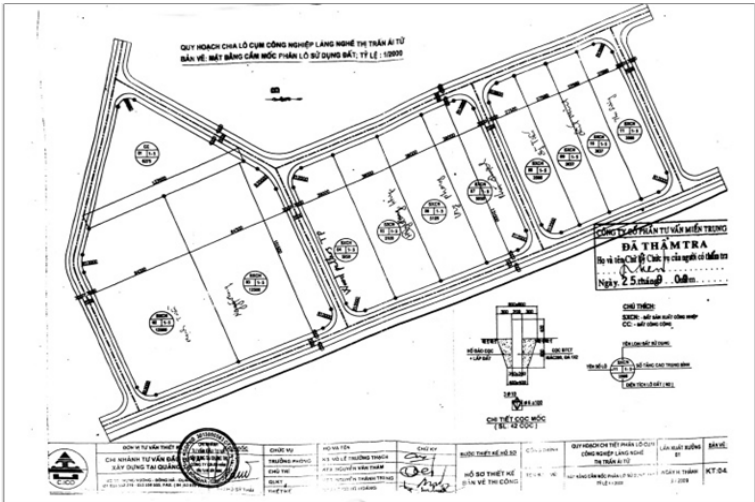
- Công nghiệp dệt may;
- Công nghiệp chế biến nông-lâm-thủy sản;
- Công nghiệp sản xuất, gia công và sửa chữa cơ khí;

- Công nghiệp sản xuất, lắp ráp điện tử;

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp khác;

- Dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ logistic...

1.5. Tình hình thu hút đầu tư: Có 12 doanh nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện đầu tư đưa dự án vào hoạt động.



2. Cụm Công nghiệp Đông Ái Tử

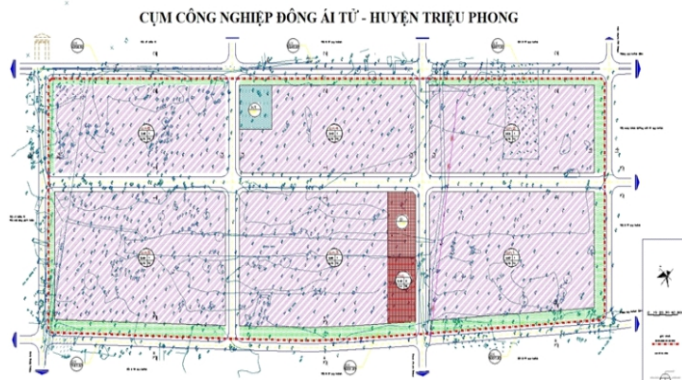
2.1. Quy mô CCN: 34,64 ha; trong đó quỹ đất đầu tư dự án sản xuất: 25,9 ha; Đất hạ tầng kỹ thuật: 8,74 ha.

2.2. Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ
1	Đất xây dựng nhà công nghiệp	25,9	74,77
2	Đất giao thông	4,19	12,10
3	Đất bãi đỗ xe	0,44	1,27
4	Đất hành chính dịch vụ	0,45	1,30
5	Đất cây xanh cách li	3,31	9,56
6	Đất khu kỹ thuật	0,35	1,01
	Cộng	34,64	100,00

2.3. Tình hình lấp đầy, diện tích còn lại kêu gọi đầu tư:

- Tỷ lệ lấp đầy 95%;
- Diện tích còn lại kêu gọi đầu tư: 1,295 ha.



2.4. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp

Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND huyện Triệu Phong về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung ngành nghề Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Đông Ái Tử, huyện Triệu Phong.

CN1(4,93ha): Đất công nghiệp ngành may mặc, giày da

CN2(3,53ha): Đất công nghiệp ngành may mặc, giày da

CN3(4,90ha), CN4(3,43ha), CN5(5,46ha), CN6(3,65ha): Đất công nghiệp, các nhóm ngành nghề tổng hợp sản xuất sạch như: May mặc, sản xuất khí công nghiệp, sản xuất các sản phẩm nhựa có nguyên liệu từ hạt nhựa PE, sản xuất mộc mỹ nghệ dân dụng, mỹ nghệ cao cấp, sản xuất vật liệu không nung, sản xuất hàng tiêu dùng... và các ngành nghề sản xuất công nghiệp sạch khác.

2.5. Tình hình thu hút đầu tư: Có 22 doanh nghiệp được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Quyết định chủ trương đầu tư, thực hiện đầu tư đưa dự án vào hoạt động.

3. Cụm Công nghiệp Tây Triệu Phong

3.1. Quy mô CCN: 70 ha

3.2. Bảng cơ cấu sử dụng đất:

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
1	Đất công nghiệp	50	71,5
2	Đất giao thông	8	11,4
3	Đất cây xanh cách ly	10	14,3
4	Đất các khu kỹ thuật	2	2,8
	Tổng cộng	70	100

3.3. Tình hình lấp đầy, diện tích còn lại kêu gọi đầu tư:

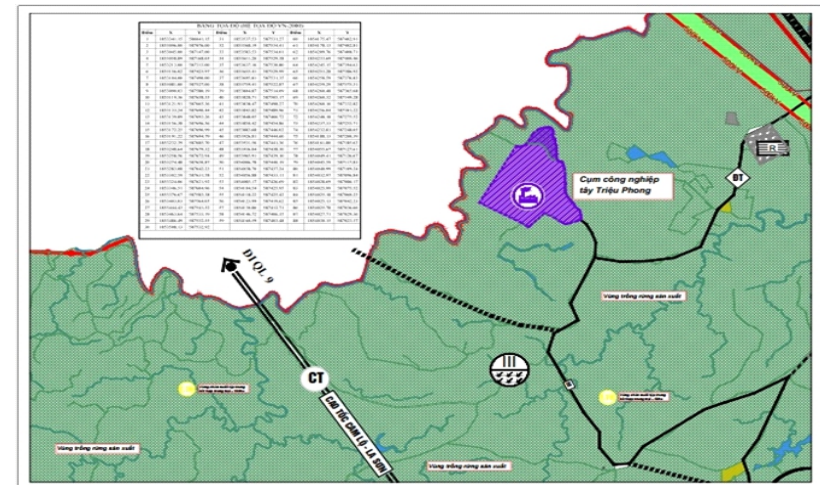
Cụm Công nghiệp Tây Triệu Phong là dự án kêu gọi đầu tư và kinh doanh hạ tầng CCN.

Hiện trạng đất đai: Đang là đất trồng rừng sản xuất.

3.4. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào CCN:

- Chế biến nông sản, sản xuất, chế biến lâm sản;
- Công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ nông nghiệp;
- Ngành may, da giày;
- Ngành lắp ráp linh kiện điện tử, công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, vật liệu mới;
- Ngành công nghệ sinh học;
- Ngành công nghiệp hỗ trợ;
- Các ngành, nghề công nghiệp khác có công nghệ cao, sạch, tiêu tốn ít năng lượng, mang lại giá trị cao, phát triển bền vững.

2.5. Tình hình thu hút đầu tư: Đang kêu gọi nhà đầu tư phát triển và kinh doanh hạ tầng CCN.



Vị trí đầu tư CCN Tây Triệu Phong

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÙNG

Với mục tiêu xây dựng vùng huyện Triệu Phong phát triển kinh tế xã hội nhanh trong thời gian tới trên cơ sở bền vững, phát huy hiệu quả tiềm năng và nguồn lực. Để tạo động lực phát triển vùng đến năm 2040 cần chương trình và xây dựng các dự án mang tính chất vùng như sau:

Mục tiêu	Chiến lược phát triển vùng	Chương trình dự án
Thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng (thông qua chiến lược phát triển không gian và hạ tầng diện rộng)	Phát triển các đô thị trung tâm tiểu vùng	Phát triển các vùng đô thị, nông thôn.
		Phát triển các vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
		Phát triển các vùng cảnh quan, du lịch.
		Phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao
	Phát triển các tuyến Quốc lộ, đường cao tốc, các tuyến đường chính liên kết vùng	Nâng cấp QL. 49C
		Xây dựng tuyến tránh QL1 phía Tây
		Nâng cấp các tuyến đường tỉnh.
		Nâng cấp các tuyến đường huyện.
	Phát triển Giao thông công cộng.	Phát triển vận tải hành khách công cộng
		Xây dựng các đầu mối giao thông liên kết các loại phương tiện giao thông.
	Phát triển các công trình dịch vụ cấp vùng	Xây dựng các trung tâm giáo dục cấp vùng
		Xây dựng nâng cấp các trung tâm y tế cấp vùng.

Thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng (thông qua chiến lược phát triển không gian và hạ tầng diện rộng)	Phát triển các công trình dịch vụ cấp vùng	Xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ đầu mối cấp vùng
		Xây dựng trung tâm thể dục thể thao cấp quốc gia, cấp vùng
		Xây dựng trung tâm hội nghị cấp vùng.
	Các dự án chỉnh trang đô thị	Lập quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch đô thị thị trấn Ái Tử
		Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Ái Tử
		Lập đề án công nhận thị trấn Ái Tử đạt đô thị loại IV
		Các chương trình Phát triển đô thị Nam Cửa Việt
		Lập đề án công nhận đô thị Nam Cửa Việt đạt đô thị loại V
	Cải thiện môi trường đô thị	Chương trình cải tạo và nâng cấp đô thị
		Khu xử lý rác toàn vùng.
Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	Bảo vệ nguồn nước	Chương trình quốc gia bảo vệ nguồn nước ngầm
		Chương trình nạo vét, cải tạo các hệ thống thủy lợi.
	Bảo vệ rừng cảnh quan	Chương trình quốc gia bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

IV. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ ĐẾN 2030

TT	TÊN DỰ ÁN	QUY MÔ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN (Tỷ đồng)	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ	HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ
I	Hạ tầng xã hội					
1	Đầu tư phục dựng, tôn tạo các địa điểm dinh Chúa Nguyễn tại xã Triệu Giang, Triệu Ái và thị trấn Ái Tử	Gồm 10 di tích, địa điểm di tích và 4 CT để nghị xếp hạng bổ sung. DT: 33,35ha	150,0	2024-2030	NSNN+XHH	Xã Triệu Giang, Triệu Ái và thị trấn Ái Tử
2	Trung tâm hành chính huyện Triệu Phong	Diện tích quy hoạch 3,9ha	120,0	2025-2030	NSTW+NS tỉnh, huyện	Thị trấn Ái Tử
3	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng và dân cư hồ Ái Tử		500	2023-2030	XHH	
4	Trường liên cấp chất lượng cao		50,0	2023-2030	XHH	
5	Cải tạo cảnh quan hồ Sắc Tú		80	2025-2030	XHH	
6	Phòng khám đa khoa, bệnh viện tư nhân		25	2025-2040	XHH	
II	Giao thông					
7	Đầu tư xây dựng các tuyến đường và kè 02 bên bờ sông Thạch Hãn đoạn qua thị trấn Ái Tử và xã Triệu Long	5km	100,0	2025-2040	NSTW+XHH	Thị trấn Ái Tử và xã Triệu Long

8	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn huyện	150km	300,0	2023-2050	NSTW+NS tỉnh, huyện	17 xã trên địa bàn huyện
III	Nước mưa và nước thải, VSMT, cấp nước					
9	Hệ thống cấp nước, thoát nước chung thị trấn Ái Tử	27km	55,0	2023-2030	NSTW+NS tỉnh, huyện	Thị trấn Ái Tử
10	Hệ thống cấp nước sạch các xã phía Đông huyện Triệu Phong		200,0	2023-2040	NSNN+XHH	8 xã phía Đông thuộc huyện
11	Hệ thống xử lý nước thải khu dân cư trên địa bàn thị trấn		40	2023-2030	NSNN + XHH	2000m3/ngđ
12	KXL CTR tại xã Triệu Ái		211,0	2023-2030	XHH	
IV	Hạ tầng khác					
13	Trung tâm Logistics tại Nam Cửa Việt	33,37ha	330,0	2023-2030	XHH	Xã Triệu An
14	Xây dựng CSHT Khu dân cư thôn Ái Tử	33ha	50,0	2025-2040	NSNN+XHH	Xã Triệu Ái
15	Hạ tầng Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong	30ha	200,0	2023-2040	NSNN+XHH	Xã Triệu Ái
V	Thương mại, dịch vụ					
16	Trung tâm mua sắm Triệu Phong	Trung tâm hạng III, 1ha	50,0	2025-2030	NSNN+XHH	Thị trấn Ái Tử
17	Siêu thị tổng hợp (phục vụ dân cư)	Siêu thị hạng III	20,0	2025-2030	XHH	Xã Triệu Trạch

THÔNG TIN LIÊN HỆ



Hình ảnh xã Triệu An, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

Địa chỉ: Thị trấn Ái Tử - Triệu Phong - Quảng Trị

Điện thoại: (0233) 3828713

Người đại diện: Phan Văn Linh - Chủ tịch UBND huyện

Di động: 0915329234

Email: phanvanlinh@quangtri.gov.vn

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN TRIỆU PHONG

Địa chỉ: 244 Lê Duẩn, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

Người đại diện: Hoàng Thị Hồng Huế - Chức vụ: Trưởng phòng

Số điện thoại: 0948 453 111

Email: hoangthihonghue@quangtri.gov.vn

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN, PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP HUYỆN TRIỆU PHONG

Địa chỉ: 146 Lê Duẩn, Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện: Bùi Văn Trúc - Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: 0942 003 368

Email: buivantruc@quangtri.gov.vn

TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TỈNH QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: 06, Đường Khoa Bảo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Người đại diện: Nguyễn Đức Tân - Giám đốc

Điện thoại: 0913474868

Email: nguyenductan@quangtri.gov.vn